

Số: 257 QĐ/PCLBTW

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Khung theo dõi và đánh giá việc thực hiện
Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020**

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO TRUNG ƯƠNG

- Căn cứ Nghị định số 14/2010/NĐ-CP ngày 27/2/2010 quy định về tổ chức, quyền hạn và Cơ chế phối hợp của Ban Chỉ đạo PCLBTW, Ban chỉ huy PCLB&TKCN các Bộ, ngành và địa phương;

- Căn cứ Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020;

- Theo đề nghị của ông Chánh Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Khung theo dõi và đánh giá việc thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020.

Điều 2. Trưởng Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh, thành phố, các Bộ, ngành; Chánh Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thành viên BCĐ PCLBTW;
- Ban Chỉ huy PCLB các Bộ, ngành TW;
- UBND, BCH PCLB&TKCN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu VP.

BỘ TRƯỞNG - TRƯỞNG BAN



Cao Đức Phát

*K/c A Tg
8/10/13*



BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG CHỐNG LẠM BẢO TRUNG ƯƠNG

**KHUNG THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ
VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA
PHÒNG, CHỐNG VÀ GIẢM NHẸ THIÊN TẠI
ĐẾN NĂM 2020**

Hà Nội, tháng 9 năm 2013

KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ PHÒNG CHỐNG VÀ GIẢM NHE THIÊN TAI ĐẾN NĂM 2020

*(Kèm theo Quyết định số 257/QĐ-PCLBTW ngày 04 tháng 10 năm 2013
của Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương)*

I. YÊU CẦU VÀ MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ:

1. Căn cứ, mục đích

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của đất nước gắn liền với phát triển bền vững, ngày 16 tháng 11 năm 2007, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 172/2007/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Chiến lược quốc gia) với mục tiêu: *“Huy động mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai từ nay đến năm 2020 nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, hạn chế sự phá hoại tài nguyên thiên nhiên, môi trường và di sản văn hoá, góp phần quan trọng bảo đảm phát triển bền vững của đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh”*.

Khoản 1 Điều 2 Quyết định 172/2007/QĐ-TTg quy định Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT), Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương (BCĐPCLBTU) là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia, có trách nhiệm: *“Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược của các Bộ, ngành, địa phương... Tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chiến lược của các Bộ, ngành, địa phương; định kỳ hàng năm, 5 năm sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm và đề xuất kiến nghị, trình Thủ tướng Chính phủ việc điều chỉnh nội dung, giải pháp trong Chiến lược cho phù hợp”*.

Khoản 4 Điều 2 Quyết định 172/2007/QĐ-TTg quy định: *“Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cấp, các ngành trong tỉnh thực hiện các nội dung của Chiến lược...; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương”*.

Thực hiện nhiệm vụ nêu trên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thường trực Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương và các Bộ, ngành và địa phương đã thực hiện theo dõi tiến độ 1 năm, 3 năm và 5 năm thực hiện chiến lược.

Để đảm bảo tính nhất quán, đồng bộ, toàn diện trong việc theo dõi, đánh giá thực hiện chiến lược, được sự hỗ trợ của Quỹ toàn cầu về Khắc phục và Giảm nhẹ thiên tai (GFDRR) thông qua Dự án Tăng cường năng lực quản lý rủi ro thiên tai, Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương đã xây dựng và ban hành Khung theo dõi, đánh giá việc thực hiện Chiến lược

Mục đích chính của việc ban hành Khung theo dõi, đánh giá là nhằm hướng dẫn và cung cấp các công cụ cần thiết giúp thực hiện công tác theo dõi và đánh giá việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 và Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia của các Bộ, ngành và của UBND các tỉnh, thành phố.

2. Nguyên tắc

Khung TD&ĐG thực hiện Chiến lược quốc gia đảm bảo theo các nguyên tắc; (1) Đơn giản, đảm bảo tính khả thi, tương thích, linh hoạt, thực tiễn và hiệu quả; (2) Đảm bảo tính minh bạch; (3) Sự tham gia rộng rãi; (4) Dựa trên bằng chứng xác thực; (5) Có cơ chế triển khai thực hiện rõ ràng.

Khung theo dõi và đánh giá được xây dựng trên khung logic gắn với tiến trình phát triển kinh tế xã hội và bối cảnh thực tế để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả. Khung theo dõi và đánh giá được xây dựng cho từng hoạt động, từng quá trình thực hiện và từng mức độ đánh giá trong quá trình thực hiện các mục tiêu chiến lược.

3. Nội dung

Theo dõi và đánh giá là hai quá trình độc lập tương đối, nhưng quan hệ mật thiết với nhau. Tổ chức triển khai hoạt động theo dõi và đánh giá là sự kết hợp giữa theo dõi và đánh giá qua đó cung cấp những thông tin và kiến thức cần thiết cho các tổ chức và cá nhân có nhiệm vụ quản lý triển khai chỉ đạo thực hiện chiến lược một cách hiệu quả.

Hoạt động theo dõi là quá trình rà soát và giám sát liên tục các hoạt động và sử dụng kết quả phát hiện trong quá trình theo dõi để cải tiến quá trình thực hiện. Đó là cách thức xác định và chỉnh sửa kịp thời các vấn đề, định hướng và ưu tiên của chiến lược để thay đổi và tối ưu hóa tác động của chiến lược.

Hoạt động đánh giá được sử dụng để xác định các giải pháp can thiệp có hiệu quả đến mức độ nào. Kết quả đánh giá cho biết mức độ tin cậy của phương pháp mà đơn vị đã áp dụng để triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia. Kết quả của hoạt động đánh giá nhằm đúc kết kinh nghiệm hay để tiếp tục phát huy và chia sẻ cùng thực hiện, đồng thời phát hiện ra các bất cập để khắc phục.

Khung lô-gic theo dõi và đánh giá việc thực hiện Chiến lược quốc gia sẽ giúp thể hiện mối quan hệ giữa kết quả, tác động với các mục tiêu và hoạt động. Trong đó, bộ chỉ số chính được dùng như một công cụ để đo lường thành quả một cách rõ ràng nhằm giúp đánh giá các kết quả thực hiện, hoặc để phản ánh những thay đổi. Có tổng cộng 138 chỉ số được chia thành 10 nhóm, mỗi nhóm đều tương ứng với một hoạt động trong kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia và được thể hiện dưới dạng bảng bao gồm các cột và các dòng. Các cột biểu thị các mục tiêu; chỉ số; phân loại chỉ số; đơn vị tính; tần xuất thu thập; đơn vị báo cáo, nguồn và phương pháp thu thập số liệu. Các dòng thể hiện mục tiêu cụ thể và tên mỗi chỉ số của từng danh mục ghi trong chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

“Mục tiêu chung” là các kết quả cụ thể cuối cùng hay mong muốn cần đạt được đối với các can thiệp hay hành động chiến lược.

“Mục tiêu” là mục tiêu cụ thể đối với từng hành động chiến lược thể hiện bởi những thay đổi có thể quan sát được về mặt kết quả của hành động chiến lược.

“Chỉ số” là một thước đo các tiến bộ đạt được, giúp đánh giá các kết quả thực hiện, hoặc để phản ánh những thay đổi. Các chỉ số có thể mang tính định lượng hoặc định tính.

“Chỉ số đầu vào” đo số lượng, chất lượng và tính kịp thời các nguồn lực về con người, tài chính và vật chất, công nghệ và các thông tin được cung cấp cho một hành động chiến lược.

“Chỉ số tiến độ” đo lường sự tiến bộ của các hành động chiến lược và cách thức thực hiện.

“Chỉ số đầu ra” là những thay đổi về kỹ năng, hoặc năng lực, hoặc sự sẵn có của các sản phẩm và dịch vụ mới, là kết quả của việc hoàn thành các hoạt động trong phạm vi các can thiệp. Kết quả đầu ra đạt được với những nguồn lực được cung cấp và trong phạm vi thời gian cụ thể.

“Chỉ số tác động” đo lường chất lượng và số lượng của các kết quả, tác động được

tạo ra bởi kết quả đầu ra của hành động chiến lược.

II. KHUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

Khung TD&ĐG được thiết kế theo dạng bảng với tổng cộng 138 chỉ số được chia thành 10 nhóm, mỗi nhóm đều tương ứng với một hoạt động trong kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Thông báo số 1820/ TTg-KTN ngày 29/9/2009:

Mục tiêu chung: Huy động mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai từ nay đến năm 2020 nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, hạn chế sự phá hoại tài nguyên thiên nhiên, môi trường và di sản văn hoá, góp phần quan trọng bảo đảm phát triển bền vững của đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

Mục tiêu 1: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai được hoàn thiện;

Mục tiêu 2: Tổ chức, bộ máy về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai được kiện toàn;

Mục tiêu 3: Năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai được nâng cao;

Mục tiêu 4: Nhận thức của cộng đồng về công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai được nâng cao;

Mục tiêu 5: Rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ được quản lý, bảo vệ góp phần tích cực trong công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai;

Mục tiêu 6: Năng lực quản lý thiên tai và ứng dụng khoa học công nghệ được tăng cường

Mục tiêu 7: Rà soát, điều chỉnh bổ sung và lập quy hoạch

Mục tiêu 8: Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực phòng tránh giảm nhẹ thiên tai

Mục tiêu 9: Đầu tư xây dựng các công trình phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai để đảm bảo phát triển bền vững

2.1. KHUNG THEO DÕI ĐÁNH GIÁ

VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÒNG CHỐNG VÀ GIẢM NHẸ THIÊN TAI

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
<p>Mục tiêu chung: Huy động mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai từ nay đến năm 2020 nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, hạn chế sự phá hoại tài nguyên thiên nhiên, môi trường và di sản văn hoá, góp phần quan trọng bảo đảm phát triển bền vững của đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh.</p>							
	1	Tốc độ tăng vốn đầu tư hàng năm từ các nguồn cho công tác phòng, chống GNTT	Tác động	%	hàng năm	Bộ KH-ĐT	- Kế hoạch vốn đầu tư phát triển, sự nghiệp, hỗ trợ kỹ thuật của nước ngoài
	2	Tỷ lệ % vốn giải ngân so với kế hoạch đề ra trong Chiến lược quốc gia	Kết quả	%	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Chiến lược quốc gia
	3	Tổng giá trị thiệt hại về vật chất do thiên tai gây ra hàng năm	Đầu ra	tỷ đồng	hàng năm	VPBCĐ PCLBTW	- Báo cáo thiệt hại của các tỉnh Báo cáo khảo sát
	4	Tỷ lệ % giá trị thiệt hại về vật chất trong 5 năm của giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 2003-2007	Tác động	tỷ đồng	5 năm/lần	VPBCĐ PCLBTƯ	- Báo cáo thiệt hại của các tỉnh Báo cáo khảo sát
	5	Tỷ lệ % giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra so với GDP	Tác động	%	hàng năm	VPBCĐ PCLBTƯ	- Niên giám thống kê
	6	Tỷ lệ % giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra so với GDP trong 5 năm của giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 2003-2007	Tác động	%	5 năm/lần	VPBCĐ PCLBTƯ	- Báo cáo thiệt hại của các tỉnh
	7	Số người chết, mất tích do thiên tai gây ra hàng năm	Kết quả	số người	hàng năm	VPBCĐ PCLBTƯ	- Báo cáo thiệt hại của các tỉnh Báo cáo khảo sát

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
	8	Số người chết, mất tích và tỷ lệ (%) trong 5 năm của giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 2003-2007	Tác động	%	5 năm/lần	VPBCĐ PCLBTƯ	- Báo cáo thiệt hại của các tỉnh Báo cáo khảo sát
	9	Số người bị thương do thiên tai gây ra hàng năm	Kết quả	số người	hàng năm	VPBCĐ PCLBTƯ	- Báo cáo thiệt hại của các tỉnh Báo cáo khảo sát
	10	Số người bị thương và tỷ lệ (%) trong 5 năm của giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 2003-2007	Tác động	%	5 năm/lần	VPBCĐ PCLBTƯ	- Báo cáo thiệt hại của các tỉnh Báo cáo khảo sát
Mục tiêu 1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai được hoàn thiện							
1.1. Xây dựng Luật Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai	11	Tiến độ xây dựng Luật Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai	Tiến độ	diễn giải (lần dự thảo, tình trạng)	hàng năm	VPBCĐ PCLBTƯ	- Phỏng vấn cơ quan chủ trì soạn thảo
	12	Tiến độ xây dựng Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai	Tiến độ	diễn giải (lần dự thảo, tình trạng)	hàng năm	VPBCĐ PCLBTƯ	- Phỏng vấn cơ quan chủ trì soạn thảo
1.2. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai	14	Đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của một số chính sách trong lĩnh vực phòng tránh và GNTT	Tác động	diễn giải	5 năm/lần	VPBCĐ PCLBTƯ	- Đánh giá các văn bản có liên quan, phỏng vấn các đơn vị thực hiện
	15	Tỷ lệ các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến PCGNTT đã được sửa đổi bổ sung so với kế hoạch năm	Kết quả	%	hàng năm	VPBCĐ PCLBTƯ; BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Các văn bản đã ban hành
1.3. Thành lập Quỹ tự lực tài chính về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai	16	Tiến độ thực hiện mô hình Quỹ tự lực tài chính về phòng, chống và GNTT	Tiến độ	diễn giải	hàng năm	Bộ Tài chính	- Số liệu thống kê của Bộ Tài chính
	17	Tổng vốn các Quỹ tự lực tài chính	Đầu ra	tỷ đồng	hàng năm	Bộ Tài chính	- Các quyết định đã ban hành

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
1.4. Bảo hiểm rủi ro thiên tai	18	Đánh giá mức độ thành công thí điểm bảo hiểm nông nghiệp	Tác động	diễn giải	5 năm/lần	Bộ Tài chính	- Điều tra, phỏng vấn các bên liên quan.
	19	Tỷ lệ % nguồn lực tài chính huy động được so với yêu cầu phục hồi sau thiên tai	Tác động	diễn giải	5 năm/lần	Bộ Tài chính	- Điều tra, phỏng vấn các bên liên quan.
	20	Số mô hình bảo hiểm rủi ro thiên tai được nghiên cứu và thí điểm trên toàn quốc	Đầu ra	số lượng, diễn giải quy mô, tình trạng thực hiện, đối tượng áp dụng	hàng năm	Bộ Tài chính	- Các chính sách, cơ chế bảo hiểm rủi ro thiên tai, văn bản hướng dẫn thực hiện được ban hành
	21	Số xã được triển khai các mô hình bảo hiểm rủi ro thiên tai	Đầu ra	số xã	hàng năm	Bộ Tài chính	- Số liệu thống kê của Bộ Tài chính
Mục tiêu 2: Tổ chức, bộ máy về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai được kiện toàn							
	22	Tỷ lệ % người dân ở vùng thường xuyên xảy ra thiên tai hài lòng với sự chỉ đạo, chỉ huy, phối hợp điều hành các hoạt động phòng ngừa; ứng phó kịp thời và có hiệu quả với các tình huống thiên tai nguy hiểm đã xảy ra.	Tác động	%	5 năm/lần	VPBCĐ PCLBTU'	- Đánh giá, phỏng vấn các bên liên quan
	23	Năng lực cán bộ làm công tác phòng, chống và GNTT được nâng cao sau khi tập huấn.	Tác động	diễn giải	5 năm/lần	VPBCĐ PCLBTU'	- Tổ chức điều tra về năng lực cán bộ sau khi được tập huấn
	24	Tỷ lệ cán bộ làm việc trong lĩnh vực phòng, chống và GNTT được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ.	Kết quả	%	hàng năm	Các Bộ, ngành TW; BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Thống kê hiện trạng cán bộ của đơn vị Danh sách cán bộ tham gia tập huấn

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
	25	Số các tổ chức hỗ trợ quản lý thiên tai được thành lập	Đầu ra	số lượng; diễn giải tiến độ thực hiện	hàng năm	Bộ Nội vụ; BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Số liệu thống kê của ngành Các quyết định đã ban hành
	26	Tiến độ thành lập Ủy ban quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai	Tiến độ	diễn giải	hàng năm	VPBCĐ PCLBTW	- Phòng vấn cơ quan chủ trì soạn thảo
	27	Tình hình kiện toàn bộ máy chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống và GNTT hàng năm	Tiến độ	diễn giải	hàng năm	Các Bộ, ngành TW; BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Nghiên cứu các quyết định về kiện toàn bộ máy đã ban hành
Mục tiêu 3: Năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai được nâng cao							
3.1. Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo bão, áp thấp nhiệt đới	28	Độ chính xác, thời gian dự kiến dự báo bão trong 5 năm thuộc giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 2003-2007	Kết quả	%	5 năm/lần	Bộ TN&MT	- Phòng vấn đơn vị làm công tác dự báo Báo cáo hàng năm
	29	Độ chính xác của bản tin dự báo bão so với quy định trong quy chế hiện hành	Kết quả	diễn giải số bản tin, mức độ chính xác, % theo tỷ lệ quy định	hàng năm	Bộ TN&MT	- Phòng vấn đơn vị làm công tác dự báo Báo cáo hàng năm
	30	Tỷ lệ % trạm khí tượng hiện có trên cả nước so với quy hoạch tới năm 2020	Kết quả	%	hàng năm	Bộ TN&MT	- Số liệu thống kê, quy hoạch của Bộ TN&MT
	31	Số trạm khí tượng được nâng cấp, xây dựng mới và được trang bị thiết bị hiện đại trên cả nước	Đầu ra	số trạm, thiết bị; diễn giải cụ thể về tình trạng thiết bị, đặc biệt là tự động hóa	hàng năm	Bộ TN&MT	- Số liệu thống kê của Bộ TN&MT

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
	32	Số lượt các chuyên gia được đào tạo để sử dụng thiết bị hiện đại và công nghệ mới trong việc dự báo bão	Đầu ra	số lượt người	hàng năm	Bộ TN&MT	- Báo cáo hàng năm Kế hoạch tập huấn Danh sách người tham gia tập huấn
3.2. Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo lũ	33	Độ chính xác, thời gian dự kiến dự báo lũ theo từng vùng trong 5 năm thuộc giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 2003-2007	Kết quả	% (ví dụ 70% so với 60%)	hàng năm	Bộ TN&MT	- Phòng vấn đơn vị làm công tác dự báo Báo cáo hàng năm
	34	Độ chính xác của bản tin dự báo lũ so với quy định trong quy chế hiện hành	Đầu ra	diễn giải số bản tin, mức độ chính xác, % theo tỷ lệ quy định	hàng năm	Bộ TN&MT	- Phòng vấn đơn vị làm công tác dự báo Báo cáo hàng năm
	35	Tỷ lệ % trạm quan trắc thủy văn hiện có so với quy hoạch tới năm 2020	Kết quả	%	hàng năm	Bộ TN&MT	- Số liệu thống kê, số liệu quy hoạch của Bộ TN&MT
	36	Số trạm quan trắc thủy văn được nâng cấp, xây dựng mới và được trang bị thiết bị hiện đại trên cả nước	Đầu ra	số trạm, thiết bị; diễn giải cụ thể về tình trạng thiết bị, đặc biệt là tự động hóa	hàng năm	Bộ TN&MT	- Số liệu thống kê của Bộ TN&MT
	37	Số lượt các chuyên gia được đào tạo để sử dụng thiết bị hiện đại và công nghệ mới trong việc dự báo lũ	Đầu ra	số lượt người	hàng năm	Bộ TN&MT	- Báo cáo hàng năm Kế hoạch tập huấn Danh sách người tham gia tập huấn
3.3. Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo lũ quét cho	38	Tỷ lệ % số lần cảnh báo đúng lũ quét trong năm	Kết quả	%	hàng năm	Bộ TN&MT	- Phòng vấn đơn vị làm công tác dự báo Báo cáo hàng năm

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
các tỉnh miền núi	39	Tỷ lệ % trạm cảnh báo lũ quét được đưa vào hoạt động so với quy hoạch tới năm 2020	Kết quả	%	hàng năm	Bộ TN&MT	- Số liệu thống kê, số liệu quy hoạch của Bộ TN&MT
	40	Số tỉnh miền núi được trang bị trạm cảnh báo lũ quét	Đầu ra	số tỉnh	hàng năm	Bộ TN&MT	- Số liệu thống kê của Bộ TN&MT
	41	Số lượt các chuyên gia được đào tạo để sử dụng thiết bị hiện đại và công nghệ mới trong việc dự báo lũ quét	Đầu ra	số lượt người	hàng năm	Bộ TN&MT	- Báo cáo hàng năm Kế hoạch tập huấn Danh sách người tham gia tập huấn
3.4. Tăng cường năng lực báo tin động đất, cảnh báo sóng thần	42	Thời gian trung bình báo tin động đất trong giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 2003-2007	Kết quả	diễn giải tỷ lệ	5 năm/lần	Viện Vật lý địa cầu	- Báo cáo hàng năm
	43	Thời gian trung bình báo tin động đất	Đầu ra	diễn giải tỷ lệ	hàng năm	Viện Vật lý địa cầu	- Báo cáo hàng năm
	44	Tỷ lệ % số trạm đo địa chấn được lắp đặt so với quy hoạch tới năm 2020	Kết quả	%	hàng năm	Viện Vật lý địa cầu	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch triển khai
	45	Số lượt chuyên gia được đào tạo, nâng cao trình độ về báo tin động đất, cảnh báo sóng thần	Đầu ra	số lượt người	hàng năm	Viện Vật lý địa cầu	- Báo cáo hàng năm Kế hoạch tập huấn Danh sách người tham gia tập huấn
	46	Tỷ lệ % số trạm cảnh báo sóng thần được lắp đặt so với quy hoạch tới năm 2020	Kết quả	%		Viện Vật lý địa cầu	- Số liệu thống kê, số liệu quy hoạch của Viện vật lý địa cầu
	47	Tỷ lệ % số lần cảnh báo đúng	Kết quả	%	hàng năm	Viện Vật lý địa cầu	- Phỏng vấn đơn vị làm công tác dự báo

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
		sóng thần				câu	Báo cáo hàng năm
Mục tiêu 4: Nhận thức của cộng đồng về công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai được nâng cao							
4.1. Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	48	Nhận thức và năng lực tự phòng ngừa ứng phó của học sinh và sinh viên được nâng cao để sẵn sàng ứng phó hiệu quả với thiên tai	Tác động		5 năm/lần	Bộ GD&ĐT	- Điều tra chuyên đề
	49	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa có lồng ghép nội dung phòng, chống và GNTT hàng năm	Đầu ra	tiết học	hàng năm	Bộ GD&ĐT	- Báo cáo hàng năm Khảo sát
	50	Quyết định, hướng dẫn thực hiện của Bộ GD-ĐT về việc lồng ghép phòng, chống và GNTT vào chương trình học cho cấp phổ thông và một số trường Đại học	Tiến độ	diễn giải	hàng năm	Bộ GD&ĐT	- Các văn bản đã ban hành Phỏng vấn
	51	Nhận thức về thiên tai và năng lực chủ động phòng ngừa, ứng phó của cộng đồng	Tác động	Diễn giải	5 năm/lần	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Thủy lợi; Hội Chữ thập đỏ	- Điều tra chuyên đề về nhận thức cộng đồng
	52	Tỷ lệ số người dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống và GNTT	Kết quả	%	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Danh sách người tham gia tập huấn Số liệu thống kê của tỉnh
	53	Số tỉnh ban hành kế hoạch hành động thực hiện Đề án QLRRTTDVCĐ	Đầu ra	diễn giải	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Thủy lợi	- Các văn bản đã ban hành

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
	54	Số xã đã triển khai QLRRTTDVCD	Đầu ra	số xã	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm
4.2. Tổ chức thông tin và tuyên truyền về thiên tai thông qua hệ thống thông tin đại chúng	55	Số lượng các bản tin cảnh báo thiên tai được phát trên tivi hàng năm	Đầu ra	số lượng bản tin; diễn giải bổ sung số lượt phát cho mỗi bản tin	hàng năm	Bộ TT-TT; Đài truyền hình VN; BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Số liệu thống kê của đơn vị thực hiện
	56	Số lượng bản tin phổ biến kiến thức về PCGNTT được phát trên tivi hàng năm	Đầu ra	số lượng bản tin; diễn giải bổ sung số lượt phát cho mỗi bản tin	hàng năm	Bộ TT-TT; Đài truyền hình VN; BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Số liệu thống kê của đơn vị thực hiện
	57	Số lượng các bản tin cảnh báo thiên tai được phát trên đài phát thanh hàng năm	Đầu ra	số lượng bản tin; diễn giải bổ sung số lượt phát cho mỗi bản tin	hàng năm	Bộ TT-TT; Đài tiếng nói VN; BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Số liệu thống kê của đơn vị thực hiện
	58	Số lượng bản tin phổ biến kiến thức về PCGNTT được phát trên đài phát thanh hàng năm	Đầu ra	số lượng bản tin; diễn giải bổ sung số lượt phát cho mỗi bản tin	hàng năm	Bộ TT-TT; Đài tiếng nói VN; BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Số liệu thống kê của đơn vị thực hiện
Mục tiêu 5: Rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ được quản lý, bảo vệ góp phần tích cực trong công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai							
	59	Đánh giá hiệu quả trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn bảo vệ đê biển và hàng tre chắn sóng bảo vệ đê sông.	Tác động	Diễn giải	5 năm/lần	VPBCĐ PCLBTU	- Điều tra chuyên đề
	60	Tỷ lệ % diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn so với tổng diện tích	Kết quả	%	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Lâm	- Quyết định công bố hiện trạng rừng toàn quốc hàng

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
		rừng				nghiệp	năm của Bộ
	61	Độ che phủ rừng	Kết quả	ha	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Lâm nghiệp	- Quyết định công bố hiện trạng rừng toàn quốc hàng năm của Bộ
	62	Diện tích rừng bị mất hàng năm	Đầu ra	ha	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Lâm nghiệp	- Quyết định công bố hiện trạng rừng toàn quốc hàng năm của Bộ
	63	Diện tích rừng ngập mặn được trồng mới trong năm	Đầu ra	ha	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Lâm nghiệp	- Báo cáo thống kê của Tổng Cục Lâm nghiệp
	64	Chiều dài đê được trồng cây chắn sóng bảo vệ trong năm	Đầu ra	km	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Lâm nghiệp	- Báo cáo thống kê của Tổng Cục Lâm nghiệp
	65	Tỷ lệ các văn bản quy định về bảo vệ rừng được phổ biến đến cộng đồng	Kết quả	%	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Lâm nghiệp	- Báo cáo hàng năm
	66	Tỷ lệ % diện tích rừng có lực lượng bảo vệ	Kết quả	%	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Lâm nghiệp	- Báo cáo thống kê của Tổng Cục Lâm nghiệp
	67	Tỷ lệ % cán bộ kiểm lâm và chủ rừng được nâng cao năng lực so với kế hoạch	Kết quả	%	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Lâm nghiệp	- Kế hoạch đào tạo
Mục tiêu 6: Năng lực quản lý thiên tai và ứng dụng khoa học công nghệ được tăng cường							

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
6.1. Tăng cường năng lực cho các cơ quan quản lý thiên tai từ TW đến địa phương	68	Số trụ sở cơ quan quản lý thiên tai được xây dựng mới hoặc nâng cấp	Đầu ra	số trụ sở	hàng năm	VPBCĐ PCLBTƯ; BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Kế hoạch hàng năm của các đơn vị
	69	Kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ cho quản lý thiên tai	Đầu ra	triệu đồng	hàng năm	VPBCĐ PCLBTƯ; BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Kế hoạch hàng năm của các đơn vị
6.2. Tăng cường năng lực cho các lực lượng TKCN	70	Đánh giá sự phù hợp của trang thiết bị TKCN hiện có ở địa phương và năng lực sử dụng.	Tác động	diễn giải	5 năm/lần	UBQGTKCN	- Điều tra chuyên đề
	71	Chủng loại và số lượng trang thiết bị phục vụ cho công tác tìm kiếm, cứu nạn được trang bị cho các đơn vị/lực lượng	Đầu ra	diễn giải số lượng các chủng loại trang thiết bị	hàng năm	UBQGTKCN	- Kế hoạch hàng năm của các đơn vị - Báo cáo thực hiện
	72	Số lượt người được tập huấn về công tác tìm kiếm cứu nạn	Đầu ra	số lượt	hàng năm	UBQGTKCN; BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Danh sách người tham gia tập huấn
	73	Số lượt diễn tập công tác tìm kiếm cứu nạn (cấp QG, cấp vùng, cấp địa phương)	Đầu ra	số lượt	hàng năm	UBQGTKCN; BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm
	74	Hoàn thiện văn bản liên quan tới khả năng chỉ huy phối hợp và phản ứng nhanh của lực lượng tìm kiếm cứu nạn trung ương, khu vực, các ngành và địa phương	Tiến độ	diễn giải	hàng năm	UBQGTKCN	- Phỏng vấn cơ quan chủ trì soạn thảo

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
6.3. Rà soát, bổ sung các quy chuẩn xây dựng công trình phù hợp với đặc thù thiên tai của từng vùng	75	Tỷ lệ % hộ gia đình có nhà ở an toàn trước thiên tai	Tác động	%	5 năm/lần	VPBCĐ PCLBTƯ	- Điều tra chuyên đề
	76	Số bộ quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia về xây dựng công trình phù hợp với đặc thù thiên tai của từng vùng được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới hàng năm	Đầu ra	bộ quy chuẩn và diễn giải danh mục	hàng năm	Bộ Xây dựng	- Văn bản phê duyệt quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia
	77	Số bộ quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành về xây dựng công trình phù hợp với đặc thù thiên tai của từng vùng được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới hàng năm	Đầu ra	bộ quy chuẩn và diễn giải danh mục	hàng năm	Bộ QP, Bộ Công An, Bộ NN&PTNT, Bộ GTVT, Bộ Công thương, Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT, Bộ TNMT, Bộ TTTT, Bộ VHTTDL, Bộ Tài chính	- Văn bản phê duyệt quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia
	78	Ban hành phương pháp và tiêu chí đánh giá rủi ro thiên tai trong các dự án đầu tư	Tiến độ	diễn giải	hàng năm	Bộ KH-ĐT	- Các văn bản đã ban hành
6.4. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật và sử dụng vật liệu mới vào phục vụ phòng, chống và GNTT	79	Tỷ lệ % đề tài đã được ứng dụng trên tổng số đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến PCGNTT đã nghiệm thu	Kết quả	% và diễn giải danh mục	hàng năm	Bộ KH&CN; Viện KHCN Việt Nam	- Kế hoạch khoa học công nghệ - Báo cáo của các đơn vị - Nghiên cứu, đánh giá các sản phẩm của đề tài và khả năng áp dụng trong thực tế.

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
	80	Hiệu quả áp dụng quy chuẩn, công nghệ mới, vật liệu mới trong xây dựng, nâng cấp công trình PCTT.	Tác động	diễn giải	5 năm/lần	Bộ KH&CN; Viện KHCN Việt Nam	- Nghiên cứu, đánh giá các sản phẩm và khả năng áp dụng trong thực tế.
	81	Loại vật liệu mới, công nghệ mới được ứng dụng trong nâng cao độ an toàn bền vững của các công trình PCGNTT	Đầu ra	số lượng, chủng loại và diễn giải danh mục	hàng năm	Bộ KH&CN; Viện KHCN Việt Nam; BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Đánh giá các tài liệu có liên quan
6.5 Hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc	82	Tỷ lệ % số tàu thuyền có lắp đặt thiết bị thông tin 2 chiều đã thực hiện liên lạc 2 chiều.	Tác động	diễn giải	5 năm/lần	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Thủy sản	- Điều tra chuyên đề
	83	Tỷ lệ % tàu, thuyền được lắp đặt thiết bị vô tuyến thích hợp với mạng thông tin vệ tinh VINASAT-1	Kết quả	%	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Thủy sản	- Báo cáo thống kê của Tổng cục Thủy sản
	84	Tỷ lệ % tàu, thuyền đánh bắt xa bờ được trang bị hệ thống định vị và thiết bị thông tin liên lạc qua vệ tinh	Kết quả	%	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Thủy sản	- Báo cáo thống kê của Tổng cục Thủy sản
	85	Số cửa ra vào dọc bờ biển được lắp đặt thiết bị tự động theo dõi tàu thuyền	Đầu ra	số lượng	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Thủy sản	- Báo cáo thống kê của Tổng cục Thủy sản
	86	Tỷ lệ % các thôn, xã vùng sâu vùng xa các tỉnh miền núi hoàn thiện hệ thống thông tin liên lạc	Kết quả	%	hàng năm	Bộ TT-TT	- Báo cáo thống kê của Bộ TT-TT

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
6.6. Tăng cường năng lực ứng phó thiên tai của các đối tượng dễ bị tổn thương, trẻ em, người già yếu và tàn tật	87	Năng lực sẵn sàng ứng phó với thiên tai của các đối tượng dễ bị tổn thương được tăng cường	Tác động	%	5 năm/lần	VPBCĐ PCLBTƯ	- Điều tra chuyên đề
	88	Tỷ lệ % số xã thường xuyên xảy ra thiên tai xây dựng được kế hoạch/phương án đảm bảo an toàn cho trẻ em, phụ nữ mang thai, người già yếu và tàn tật (đối tượng dễ bị tổn thương)	Kết quả	%	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo thống kê của các tỉnh
	89	Số lượt các đối tượng dễ bị tổn thương (trẻ em, phụ nữ mang thai, người già yếu và tàn tật) được hướng dẫn, tuyên truyền về PCGNTT	Đầu ra	lượt	hàng năm		- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch tập huấn - Danh sách người tham gia tập huấn
6.7. Tổ chức lực lượng tình nguyện viên tham gia trong công tác phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai	90	Số lượt tình nguyện viên thanh niên được huy động	Đầu ra	số lượt	hàng năm	TW Đoàn TNCSHCM	- Báo cáo thống kê của TW Đoàn
	91	Số lượt phụ nữ tham gia trong công tác phòng, chống và GNTT	Đầu ra	số lượt		BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm
	92	Số lượng quản lý đề nhân dân, lực lượng hộ đề được thành lập	Đầu ra	số lượng	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm
	93	Số cuộc diễn tập ở cấp cộng đồng được tổ chức	Đầu ra	số lượng	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm
	94	Số lượt tình nguyện viên chữ thập đỏ tham gia phòng, chống GNTT	Đầu ra	số lượt	hàng năm	Hội Chữ thập đỏ VN	- Báo cáo hàng năm

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
Mục tiêu 7: Rà soát, điều chỉnh bổ sung và lập quy hoạch							
7.1. Lập bản đồ xác định nguy cơ xảy ra thiên tai	95	Tỷ lệ % số xã có nguy cơ xảy ra thiên tai đã được xây dựng bản đồ (kỹ thuật số) so với kế hoạch tới 2020	Kết quả	%	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm
7.2. Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng, chống lũ cho đồng bằng sông Cửu Long	96	Quy hoạch phòng, chống lũ được rà soát, bổ sung cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long	Tiến độ	diễn giải	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Thủy lợi	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của Bộ
7.3. Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng chống lũ cho các sông thuộc khu vực miền Trung từ Thanh Hóa đến Bình Thuận	97	Quy hoạch phòng, chống lũ được rà soát, bổ sung cho khu vực miền Trung từ Thanh Hoá đến Bình Thuận	Tiến độ	diễn giải	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Thủy lợi	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của Bộ
7.4. Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng chống lũ cho các sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ	98	Quy hoạch phòng, chống lũ được rà soát, bổ sung cho khu vực Đông Nam Bộ	Tiến độ	diễn giải	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Thủy lợi	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của Bộ
7.5. Rà soát bổ sung quy hoạch hệ thống đê sông, đê biển	99	Số tỉnh phê duyệt quy hoạch đê sông, đê biển	Đầu ra	diễn giải	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Thủy lợi	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của Bộ
	100	Số quy hoạch hệ thống đê sông được rà soát, bổ sung	Đầu ra	số lượng	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của tỉnh
	101	Số quy hoạch hệ thống đê sông được xây dựng	Đầu ra	số lượng	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của tỉnh

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
	102	Số quy hoạch hệ thống đê biển được rà soát, bổ sung	Đầu ra	số lượng	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của tỉnh
	103	Số quy hoạch hệ thống đê biển được xây dựng	Đầu ra	số lượng	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của tỉnh
	104	Số quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao được rà soát, bổ sung	Đầu ra	số lượng	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của tỉnh
	105	Số quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao được xây dựng	Đầu ra	số lượng	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của tỉnh
7.6. Rà soát điều chỉnh quy hoạch và tổ chức thực hiện di dân, tái định cư vùng thường xuyên bị thiên tai.	106	Tỷ lệ hộ gia đình sống trong vùng có nguy cơ cao về thiên tai được di chuyển về nơi an toàn, đảm bảo đời sống và sản xuất hàng năm	Kết quả	%	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm
	107	Số tỉnh đã rà soát, bổ sung và phê duyệt các quy hoạch dân cư vùng có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất ở các tỉnh miền núi hàng năm	Đầu ra	số lượng, diễn giải	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Cục KTHT; Bộ Xây dựng; BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch
7.7. Rà soát, bổ sung quy hoạch sử dụng đất gắn với nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.	108	Đánh giá tác động của việc rà soát, điều chỉnh và bổ sung các quy hoạch trong việc hạn chế tác động của thiên tai, tăng tính hiệu quả, phát triển bền vững, tăng tính thích nghi môi trường thiên tai	Tác động	diễn giải	5 năm/lần	VP BCĐ PCLBTƯ	- Điều tra chuyên đề
	109	Số lượng tỉnh đã rà soát, bổ sung quy hoạch sử dụng đất gắn với nhiệm vụ PCGNTT	Đầu ra	diễn giải	hàng năm	Bộ TN&MT	- Thống kê của Bộ TN&MT - Các quyết định phê duyệt quy hoạch

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
Mục tiêu 8: Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực phòng tránh giảm nhẹ thiên tai							
	110	Đánh giá hiệu quả của quá trình hội nhập, chia sẻ kinh nghiệm, nguồn lực trong công tác phòng, chống và GNTT	Tác động	diễn giải	5 năm/lần	VP BCĐ PCLBTU'	- Điều tra chuyên đề
	111	Số lượng các dự án về phòng, chống và GNTT được tài trợ bởi các tổ chức nước ngoài	Đầu ra	số lượng	hàng năm	Bộ TNMT; Bộ GD-ĐT, Bộ NN&PTNT-Vụ HTQT; BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Kế hoạch đầu tư của Bộ NN&PTNT - Danh mục các dự án hỗ trợ không hoàn lại của Vụ HTQT và các tổ chức phi chính phủ
	112	Các công ước, thỏa thuận quốc tế, khu vực về PCGNTT mà Việt Nam tham gia	Tiến độ	diễn giải	hàng năm	VPBCĐ PCLBTU'	- Báo cáo hàng năm
	113	Các công ước, thỏa thuận quốc tế, khu vực về tìm kiếm cứu nạn mà Việt Nam tham gia	Tiến độ	diễn giải	hàng năm	UBQGTKCN	- Báo cáo hàng năm
	114	Thành lập diễn đàn quốc gia về GNRRTT và thích ứng BĐKH	Tiến độ	diễn giải	hàng năm	VPBCĐ PCLBTU'	- Các văn bản có liên quan Phỏng vấn
	115	Cơ chế chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực phòng, chống và GNTT	Tiến độ	diễn giải	hàng năm	Bộ KH-ĐT	- Các văn bản có liên quan Phỏng vấn

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
Mục tiêu 9: Đầu tư xây dựng các công trình phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai để đảm bảo phát triển bền vững							
9.1 Xây dựng hệ thống các khu neo đậu cho tàu, thuyền tránh trú bão	116	Tỷ lệ khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng đưa vào sử dụng so với quy hoạch/	Kết quả	khu neo đậu	hàng năm	BỘ NN&PTNT-Tổng cục Thủy sản	- Báo cáo hàng năm
	117	Kinh phí thực hiện xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng	Đầu ra	tỷ đồng	hàng năm	BỘ NN&PTNT-Tổng cục Thủy sản	- Kế hoạch đầu tư của Bộ NN&PTNT
	118	Số khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh được đưa vào sử dụng	Đầu ra	khu neo đậu	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm
	119	Kinh phí thực hiện xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh	Đầu ra	tỷ đồng	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Kế hoạch đầu tư của tỉnh
9.2 Chương trình nâng cấp hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình và các sông khu vực Bắc Trung Bộ	120	Số km đê đã được nâng cấp trong năm của Chương trình nâng cấp đê hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình và các sông khu vực Bắc Trung Bộ	Đầu ra	km	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch chương trình
	121	Kinh phí thực hiện chương trình "nâng cấp đê hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình và các sông khu vực Bắc Trung Bộ" trong năm	Đầu ra	tỷ đồng	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Kế hoạch đầu tư của tỉnh
9.3 Xây dựng hệ thống bờ bao, cụm tuyến dân cư và chống sạt lở bờ sông ĐBSCL	122	Số km đê bao, bờ bao đã được xây dựng trong năm	Đầu ra	km	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm
	123	Kinh phí thực hiện trong năm để xây dựng hệ thống đê bao, bờ bao	Đầu ra	tỷ đồng	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Kế hoạch đầu tư của tỉnh

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
	124	Số cụm, tuyến dân cư đã được xây dựng mới trong năm	Đầu ra	số cụm, tuyến	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch chương trình
	125	Kinh phí xây dựng cụm tuyến dân cư trong năm	Đầu ra	tỷ đồng	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Kế hoạch đầu tư của tỉnh
9.4 Chương trình đê biển từ Quảng Ninh đến Quảng Nam	126	Số km đê đã được nâng cấp trong năm của chương trình đê biển từ Quảng Ninh đến Quảng Nam	Đầu ra	km	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch chương trình
	127	Kinh phí đã thực hiện trong năm của chương trình đê biển từ Quảng Ninh đến Quảng Nam	Đầu ra	tỷ đồng	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm
9.5 Chương trình đê biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang	128	Số km đê đã được nâng cấp trong năm của chương trình đê biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang	Đầu ra	km	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch chương trình
	129	Kinh phí đã thực hiện trong năm của chương trình đê biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang tới năm báo cáo	Đầu ra	tỷ đồng	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm
9.6 Chương trình bảo đảm an toàn hồ chứa	130	Tỷ lệ hồ chứa nước có dung tích 200.000m ³ trở lên được nâng cấp, sửa chữa để đảm bảo an toàn với tần suất lũ thiết kế	Kết quả	%	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch chương trình
9.7 Xây dựng các hồ chứa nước, lợi dụng tổng hợp, điều tiết dòng chảy và tham gia cắt lũ	131	Số hồ chứa nước lợi dụng tổng hợp, điều tiết dòng chảy và tham gia cắt lũ được xây dựng mới	Đầu ra	số lượng, diện giải danh mục	hàng năm	Bộ NN&PTNT- Tổng cục thủy lợi; Bộ Công thương	- Kế hoạch đầu tư hàng năm - Số liệu thống kê hồ thủy lợi (Bộ NN&PTNT) - Số liệu thống kê hồ thủy điện (Bộ Công thương)

Mục tiêu	STT	Chỉ số	Phân loại chỉ số	Đơn vị tính	Tần suất thu thập	Đơn vị báo cáo	Nguồn và phương pháp thu thập số liệu
	132	Tỷ lệ % hồ chứa nước có quy trình vận hành	Kết quả	%	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục thủy lợi; Bộ Công thương	- Số liệu thống kê hồ thủy lợi (Bộ NN&PTNT) - Số liệu thống kê hồ thủy điện (Bộ Công thương)
9.8 Sửa chữa, xây dựng hệ thống công trình thủy lợi, phục vụ ổn định và phát triển dân sinh trong vùng bị ảnh hưởng của thiên tai	133	Tỷ lệ % hệ thống công trình thủy lợi được nâng cấp so với kế hoạch đề ra trong chiến lược	Kết quả	% và diễn giải	hàng năm	Bộ NN&PTNT-Tổng cục Thủy lợi	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch
9.9 Chương trình chống ngập úng cho các thành phố lớn	134	Tỷ lệ điểm ngập úng đã được xử lý so với kế hoạch	Kết quả	%	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch
9.10 Mở rộng khẩu độ cầu, cống trên hệ thống giao thông đường bộ và đường sắt bảo đảm thoát lũ	135	Số cầu được mở rộng khẩu độ	Đầu ra	số lượng	hàng năm	Bộ GTVT	- Kế hoạch đầu tư hàng năm
	136	Số cống được mở rộng khẩu độ để bảo đảm thoát lũ	Đầu ra	số lượng	hàng năm	Bộ GTVT	- Kế hoạch đầu tư hàng năm
9.11 Xây dựng các công trình phòng, chống sạt lở	137	Số km công trình phòng chống sạt lở (kè) được xây dựng hàng năm	Đầu ra	km	hàng năm	BCH PCLB & TKCN tỉnh	- Báo cáo hàng năm
	138	Đánh giá hiệu quả đầu tư của các công trình PCGNTT	Tác động	diễn giải	5 năm/lần	VPBCĐ PCLBTU'	- Điều tra chuyên đề

2.2. GIẢI THÍCH CHI TIẾT CÁCH THU THẬP VÀ TÍNH TOÁN CÁC CHỈ SỐ

Chỉ số 1: Tốc độ tăng vốn đầu tư hàng năm từ các nguồn cho công tác phòng, chống GNTT

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ tăng vốn đầu tư từ các nguồn cho công tác phòng, chống và GNTT
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Kế hoạch vốn đầu tư phát triển, sự nghiệp, hỗ trợ kỹ thuật của nước ngoài

Chỉ số 2: Tỷ lệ % vốn giải ngân so với kế hoạch đề ra trong Chiến lược quốc gia

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức kinh phí thực hiện trên thực tế so với kế hoạch đề ra trong Chiến lược
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Chiến lược quốc gia
Công thức tính	$\frac{\text{Từ số}}{\text{Mẫu số}} \times 100$ <p>Tổng vốn đã giải ngân cho các hoạt động của chiến lược Tổng vốn kế hoạch trong chiến lược</p>

Chỉ số 3: Tổng giá trị thiệt hại về vật chất do thiên tai gây ra hàng năm

Diễn giải mục đích	Theo dõi mức độ thiệt hại về vật chất do thiên tai gây ra hàng năm
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo thiệt hại của các tỉnh - Báo cáo khảo sát

Chỉ số 4: Tỷ lệ % giá trị thiệt hại về vật chất trong 5 năm của giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 2003-2007

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ thiệt hại về vật chất do thiên tai gây ra giữa giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 5 năm trước khi thực hiện Chiến lược
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo thiệt hại của các tỉnh - Báo cáo khảo sát
Công thức tính	$\frac{\text{Từ số}}{\text{Mẫu số}}$ <p>Giá trị thiệt hại 5 năm của giai đoạn báo cáo Giá trị thiệt hại giai đoạn 2003-2007</p>

Chỉ số 5: Tỷ lệ % giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra so với GDP

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ thiệt hại về vật chất do thiên tai gây ra so với GDP hàng năm
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Niên giám thống kê
Công thức tính	$\frac{\text{Từ số}}{\text{Mẫu số}}$ <p>Tổng giá trị thiệt hại về vật chất do thiên tai gây ra Tổng sản phẩm trong nước</p>

Chỉ số 6: Tỷ lệ % giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra so với GDP trong 5 năm của giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 2003-2007

Diễn giải mục đích	Đánh giá giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra so với GDP giữa giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 5 năm trước khi thực hiện Chiến lược
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo thiệt hại của các tỉnh
Công thức tính	$\frac{\text{Từ số}}{\text{Mẫu số}}$ <p>Tỷ lệ % giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra so với GDP trong 5 năm Tỷ lệ % giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra so với GDP giai đoạn 2003-2007</p>

Chỉ số 7: Số người chết, mất tích do thiên tai gây ra hàng năm

Diễn giải mục đích	Theo dõi số người bị chết, mất tích do thiên tai gây ra hàng năm
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo thiệt hại của các tỉnh - Báo cáo khảo sát

Chỉ số 8: Số người chết, mất tích và tỷ lệ (%) trong 5 năm của giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 2003-2007

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ thiệt hại về con người do thiên tai gây ra giữa giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 5 năm trước khi thực hiện Chiến lược
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo thiệt hại của các tỉnh - Báo cáo khảo sát
Công thức tính	$\frac{\text{Tử số}}{\text{Mẫu số}} \times 100$ <p>Số người chết, mất tích trong 5 năm Số người chết, mất tích giai đoạn 2003-2007</p>

Chỉ số 9: Số người bị thương do thiên tai gây ra hàng năm

Diễn giải mục đích	Theo dõi số người bị thương do thiên tai gây ra hàng năm
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo thiệt hại của các tỉnh - Báo cáo khảo sát

Chỉ số 10: Số người bị thương và tỷ lệ (%) trong 5 năm của giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 2003-2007

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ thiệt hại về con người do thiên tai gây ra giữa giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 5 năm trước khi thực hiện Chiến lược
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo thiệt hại của các tỉnh - Báo cáo khảo sát
Công thức tính	$\frac{\text{Tử số}}{\text{Mẫu số}} \times 100$ <p>Số người bị thương trong 5 năm Số người bị thương giai đoạn 2003-2007</p>

Chỉ số 11: Tiến độ xây dựng Luật Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Diễn giải mục đích	Theo dõi tiến độ xây dựng Luật Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Phỏng vấn cơ quan chủ trì soạn thảo
Mục tiêu tới năm 2020	Luật được ban hành năm 2013 và áp dụng thực hiện từ tháng 5 năm 2014

Chỉ số 12: Tiến độ xây dựng Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Diễn giải mục đích	Theo dõi tiến độ xây dựng Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Phỏng vấn cơ quan chủ trì soạn thảo

Chỉ số 13: Tiến độ xây dựng các Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Diễn giải mục đích	Theo dõi tiến độ xây dựng các Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Đánh giá các văn bản có liên quan - Phỏng vấn cơ quan chủ trì soạn thảo

Chỉ số 14: Đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của một số chính sách trong lĩnh vực phòng tránh và GNTT

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ đáp ứng và phù hợp của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống và GNTT so với yêu cầu của giai đoạn mới, phù hợp với điều kiện phát triển KT-XH, yêu cầu hội nhập và ứng phó với BĐKH
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Đánh giá các văn bản có liên quan, phỏng vấn các đơn vị thực hiện

Chỉ số 15: Tỷ lệ các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến PCGNTT đã được sửa đổi bổ sung so với kế hoạch năm

Diễn giải mục đích	Đánh giá tình hình sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật để phù hợp với các mục tiêu của chiến lược và Luật Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các văn bản đã ban hành
Công thức tính	<u>Từ số</u> Số lượng các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung có liên quan đến phòng, chống và GNTT <u>Mẫu số</u> Số lượng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phòng, chống và GNTT có kế hoạch sửa đổi, bổ sung
Mục tiêu tới năm 2020	Hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai được rà soát, bổ sung sửa đổi và xây dựng mới theo nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của cả nước trong giai đoạn 2009 – 2020

Chỉ số 16: Tiến độ thực hiện mô hình Quỹ tự lực tài chính về phòng, chống và GNTT

Diễn giải mục đích	Theo dõi tiến độ thực hiện mô hình quỹ tự lực tài chính để huy động tối đa các nguồn lực sẵn có phục vụ công tác phòng, chống và GNTT
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Số liệu thống kê của Bộ Tài chính
Mục tiêu tới năm 2020	- Nghiên cứu mô hình Quỹ tự lực tài chính: 2009 – 2011 - Thí điểm thực hiện mô hình Quỹ tự lực tài chính: 2011 – 2014 - Thiết lập Quỹ tự lực tài chính trên phạm vi toàn quốc: từ năm 2015 trở đi

Chỉ số 17: Tổng vốn các Quỹ tự lực tài chính

Diễn giải mục đích	Thống kê quy mô về vốn của tất cả các quỹ tự lực tài chính đã được thành lập
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các quyết định đã ban hành

Chỉ số 18: Đánh giá mức độ thành công thí điểm bảo hiểm nông nghiệp

Diễn giải mục đích	Đánh giá hiệu quả của các mô hình bảo hiểm rủi ro thiên tai
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Điều tra, phỏng vấn các bên liên quan.
Câu hỏi phỏng vấn	1) Tỷ lệ % số hộ gia đình tham gia thí điểm bảo hiểm nông nghiệp (Theo Quyết định 315/QĐ-TTg: đối với cây lúa tại Nam Định, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Thuận, An Giang, Đồng Tháp; đối với trâu, bò, lợn, gia cầm tại Bắc Ninh, Nghệ An, Đồng Nai, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Thanh Hóa, Bình Định, Bình Dương và Hà Nội; đối với nuôi trồng thủy sản cá tra, cá basa, tôm sú, tôm chân trắng tại Bến Tre, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu, Cà Mau) 2) Tỷ lệ % số hộ đã được cơ quan bảo hiểm bồi thường so với số hộ bị thiệt hại bởi thiên tai.

Chỉ số 19: Tỷ lệ % nguồn lực tài chính huy động được so với yêu cầu phục hồi sau thiên tai

Diễn giải mục đích	Đánh giá khả năng đáp ứng của các nguồn lực tài chính so với nhu cầu và mức độ chủ động về nguồn lực để ứng phó kịp thời và phục hồi sớm sau thiên tai; Đánh giá mức độ tham gia của các đối tượng trong hoạt động bảo hiểm rủi ro thiên tai và mức độ xã hội
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Điều tra, phỏng vấn các bên liên quan.
Câu hỏi phỏng vấn	Tổng nhu cầu kinh phí cho quá trình phục hồi sau thiên tai ? Tổng kinh phí đã giải ngân cho quá trình phục hồi sau thiên tai? Chia theo loại nguồn vốn: ngân sách TW, ngân sách địa phương, các nguồn khác.

Chỉ số 20: Số mô hình bảo hiểm rủi ro thiên tai được nghiên cứu và thí điểm trên toàn quốc

Diễn giải mục đích	Đánh giá về tình hình thực hiện và quy mô của các mô hình bảo hiểm rủi ro thiên tai
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các chính sách, cơ chế bảo hiểm rủi ro thiên tai, văn bản hướng dẫn thực hiện được ban hành
Mục tiêu tới năm 2020	- Nghiên cứu mô hình bảo hiểm rủi ro thiên tai: 2009 - 2011 - Thí điểm thực hiện mô hình bảo hiểm rủi ro thiên tai: 2011 - 2014 - Triển khai mô hình bảo hiểm rủi ro thiên tai: 2015 trở đi

Chỉ số 21: Số xã được triển khai các mô hình bảo hiểm rủi ro thiên tai

Diễn giải mục đích	Theo dõi phạm vi triển khai của các mô hình bảo hiểm rủi ro thiên tai
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Số liệu thống kê của Bộ Tài chính

Chỉ số 22: Tỷ lệ % người dân ở vùng thường xuyên xảy ra thiên tai hài lòng với sự chỉ đạo, chỉ huy, phối hợp điều hành các hoạt động phòng ngừa; ứng phó kịp thời và có hiệu quả với các tình huống thiên tai nguy hiểm đã xảy ra.

Diễn giải mục đích	Đánh giá tính hiệu quả của bộ máy chỉ đạo, chỉ huy các cấp trong công tác phòng, chống và GNTT
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Đánh giá, phỏng vấn các bên liên quan

Chỉ số 23: Năng lực cán bộ làm công tác phòng, chống và GNTT được nâng cao sau khi tập huấn.

Diễn giải mục đích	Đánh giá hiệu quả và năng lực của cán bộ phòng, chống và GNTT sau khi được tập huấn
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Tổ chức điều tra về năng lực cán bộ sau khi được tập huấn

Chỉ số 24: Tỷ lệ cán bộ làm việc trong lĩnh vực phòng, chống và GNTT được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ.

Diễn giải mục đích	Đánh giá tỷ lệ cán bộ được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ so với tổng số cán bộ làm việc trong lĩnh vực phòng, chống và GNTT
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Thống kê hiện trạng cán bộ của đơn vị - Danh sách cán bộ tham gia tập huấn
Công thức tính	<u>Tử số</u> Số lượng cán bộ làm việc trong lĩnh vực phòng, chống và GNTT tại đơn vị. <u>Mẫu số</u> Số lượng cán bộ làm việc trong lĩnh vực phòng, chống và GNTT được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về công tác phòng, chống và GNTT.
Mục tiêu tới năm 2020	Đến năm 2020, đảm bảo 100% cán bộ chính quyền địa phương các cấp trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

Chỉ số 25: Số các tổ chức hỗ trợ quản lý thiên tai được thành lập

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ và kết quả triển khai các tổ chức hỗ trợ quản lý thiên tai
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Số liệu thống kê của ngành - Các quyết định đã ban hành

Chỉ số 26: Tiến độ thành lập Ủy ban quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Diễn giải mục đích	Theo dõi tiến độ thành lập Ủy ban quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai để đảm bảo hiệu lực của bộ máy tổ chức phối hợp liên ngành.
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Phòng vấn cơ quan chủ trì soạn thảo

Chỉ số 27: Tình hình kiện toàn bộ máy chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống và GNTT hàng năm

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ sẵn sàng của bộ máy chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống và GNTT
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Nghiên cứu các quyết định về kiện toàn bộ máy đã ban hành

Chỉ số 28: Độ chính xác, thời gian dự kiến dự báo bão trong 5 năm thuộc giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 2003-2007

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ chính xác về dự báo bão trong giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 5 năm trước khi thực hiện Chiến lược
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Phòng vấn đơn vị làm công tác dự báo - Báo cáo hàng năm

Chỉ số 29: Độ chính xác của bản tin dự báo bão so với quy định trong quy chế hiện hành

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ chính xác trong việc dự báo bão
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Phòng vấn đơn vị làm công tác dự báo - Báo cáo hàng năm

Chỉ số 30: Tỷ lệ % trạm khí tượng hiện có trên cả nước so với quy hoạch tới năm 2020

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ thực hiện việc xây dựng số trạm khí tượng so với mục tiêu đề ra trong quy hoạch tới năm 2020
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Số liệu thống kê, quy hoạch của Bộ TN&MT
Công thức tính	$\frac{\text{Số trạm khí tượng hiện có ở thời điểm báo cáo}}{\text{Số trạm khí tượng được dự kiến lắp đặt theo quy hoạch tới năm 2020}}$

Chỉ số 31: Số trạm khí tượng được nâng cấp, xây dựng mới và được trang bị thiết bị hiện đại trên cả nước

Diễn giải mục đích	Đánh giá số lượng, tình hình trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa của các trạm khí tượng
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Số liệu thống kê của Bộ TN&MT

Chỉ số 32: Số lượt các chuyên gia được đào tạo để sử dụng thiết bị hiện đại và công nghệ mới trong việc dự báo bão

Diễn giải mục đích	Thống kê số lượt chuyên gia được đào tạo để sử dụng thiết bị hiện đại và công nghệ mới trong việc dự báo bão
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch tập huấn - Danh sách người tham gia tập huấn

Chỉ số 33: Độ chính xác, thời gian dự kiến dự báo lũ theo từng vùng trong 5 năm thuộc giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 2003-2007

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ chính xác về dự báo lũ trong giai đoạn gần đây so với giai đoạn 5 năm trước khi thực hiện Chiến lược
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Phòng vấn đơn vị làm công tác dự báo - Báo cáo hàng năm

Chỉ số 34: Độ chính xác của bản tin dự báo lũ so với quy định trong quy chế hiện hành

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ chính xác trong việc dự báo lũ
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Phòng vấn đơn vị làm công tác dự báo - Báo cáo hàng năm

Chỉ số 35: Tỷ lệ % trạm quan trắc thủy văn hiện có so với quy hoạch tới năm 2020

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ thực hiện việc xây dựng số trạm quan trắc thủy văn so với mục tiêu đề ra trong quy hoạch tới năm 2020
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Số liệu thống kê, số liệu quy hoạch của Bộ TN&MT
Công thức tính	<u>Từ số</u> Số trạm quan trắc thủy văn hiện có ở thời điểm báo cáo <u>Mẫu số</u> Số trạm quan trắc thủy văn khí tượng được dự kiến lắp đặt theo quy hoạch tới năm 2020

Chỉ số 36: Số trạm quan trắc thủy văn được nâng cấp, xây dựng mới và được trang bị thiết bị hiện đại trên cả nước

Diễn giải mục đích	Đánh giá số lượng, tình hình trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa của các trạm quan trắc thủy văn
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Số liệu thống kê của Bộ TN&MT

Chỉ số 37: Số lượt các chuyên gia được đào tạo để sử dụng thiết bị hiện đại và công nghệ mới trong việc dự báo lũ

Diễn giải mục đích	Thống kê số lượt chuyên gia được đào tạo để sử dụng thiết bị hiện đại và công nghệ mới trong việc dự báo lũ
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch tập huấn - Danh sách người tham gia tập huấn

Chỉ số 38: Tỷ lệ % số lần cảnh báo đúng lũ quét trong năm

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ chính xác trong việc cảnh báo lũ quét
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Phòng vấn đơn vị làm công tác dự báo - Báo cáo hàng năm
Công thức tính	<u>Tử số</u> Số lần đưa ra cảnh báo lũ quét trong năm <u>Mẫu số</u> Số lần cảnh báo đúng lũ quét trong năm

Chỉ số 39: Tỷ lệ % trạm cảnh báo lũ quét được đưa vào hoạt động so với quy hoạch tới năm 2020

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ thực hiện việc xây dựng số trạm cảnh báo lũ quét so với mục tiêu đề ra trong quy hoạch tới năm 2020
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Số liệu thống kê, số liệu quy hoạch của Bộ TN&MT
Công thức tính	<u>Tử số</u> Số trạm cảnh báo lũ quét được đưa vào hoạt động <u>Mẫu số</u> Số trạm cảnh báo lũ quét được quy hoạch sẽ lắp đặt tới năm 2020

Chỉ số 40: Số tỉnh miền núi được trang bị trạm cảnh báo lũ quét

Diễn giải mục đích	Đánh giá phạm vi các tỉnh đã có trạm cảnh báo lũ quét
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Số liệu thống kê của Bộ TN&MT

Chỉ số 41: Số lượt các chuyên gia được đào tạo để sử dụng thiết bị hiện đại và công nghệ mới trong việc dự báo lũ quét

Diễn giải mục đích	Thống kê số lượt chuyên gia được đào tạo để sử dụng thiết bị hiện đại và công nghệ mới trong việc dự báo lũ quét
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch tập huấn - Danh sách người tham gia tập huấn

Chỉ số 42: Thời gian trung bình báo tin động đất trong giai đoạn báo cáo so với giai đoạn 2003-2007

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ kịp thời trong việc báo tin động đất ở giai đoạn hiện tại so với giai đoạn 5 năm trước khi thực hiện chiến lược
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm

Chỉ số 43: Thời gian trung bình báo tin động đất

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ kịp thời trong việc báo tin động đất
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm

Chỉ số 44: Tỷ lệ % số trạm đo địa chấn được lắp đặt so với quy hoạch tới năm 2020

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ thực hiện việc lắp đặt số trạm đo địa chấn so với mục tiêu đề ra trong quy hoạch tới năm 2020
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm
Công thức tính	$\frac{\text{Tỷ số}}{\text{Số trạm đo địa chấn được lắp đặt}} \times \frac{\text{Mẫu số}}{\text{Số trạm đo địa chấn được quy hoạch sẽ lắp đặt tới năm 2020}}$

Chỉ số 45: Số lượt chuyên gia được đào tạo, nâng cao trình độ về báo tin động đất, cảnh báo sóng thần

Diễn giải mục đích	Đánh giá, thống kê số lượt chuyên gia được đào tạo nâng cao trình độ về báo tin động đất, cảnh báo sóng thần
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch tập huấn - Danh sách người tham gia tập huấn

Chỉ số 46: Tỷ lệ % số trạm cảnh báo sóng thần được lắp đặt so với quy hoạch tới năm 2020

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ thực hiện việc xây dựng các trạm cảnh báo sóng thần so với mục tiêu đề ra trong quy hoạch tới năm 2020
Tần suất thu thập	
Nguồn và phương pháp thu thập	- Số liệu thống kê, số liệu quy hoạch của Viện vật lý địa cầu
Công thức tính	<u>Từ số</u> Số lượng trạm cảnh báo sóng thần được lắp đặt <u>Mẫu số</u> Số lượng trạm cảnh báo sóng thần có quy hoạch sẽ lắp đặt tới năm 2020

Chỉ số 47: Tỷ lệ % số lần cảnh báo đúng sóng thần

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ chính xác về cảnh báo sóng thần
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Phòng vấn đơn vị làm công tác dự báo - Báo cáo hàng năm
Công thức tính	<u>Từ số</u> Số lần đưa ra cảnh báo sóng thần trong năm <u>Mẫu số</u> Số lần cảnh báo đúng sóng thần trong năm

Chỉ số 48: Nhận thức và năng lực tự phòng ngừa ứng phó của học sinh và sinh viên được nâng cao để sẵn sàng ứng phó hiệu quả với thiên tai

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ nhận thức và năng lực tự phòng ngừa ứng phó của học sinh và sinh viên để sẵn sàng ứng phó hiệu quả với thiên tai
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Điều tra chuyên đề
Câu hỏi phỏng vấn	1) Tỷ lệ % học sinh, sinh viên hiểu được các tác động của thiên tai đối với con người, cơ sở hạ tầng, sản xuất, môi trường...sau khi được phổ biến kiến thức về thiên tai. 2) Tỷ lệ % học sinh, sinh viên hiểu được cách chủ động phòng ngừa thiên tai phù hợp đối với bản thân và gia đình.

Chỉ số 49: Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa có lồng ghép nội dung phòng, chống và GNTT hàng năm

Diễn giải mục đích	Đánh giá việc lồng ghép nội dung phòng, chống và GNTT vào nội dung giảng dạy cho học sinh
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm - Khảo sát

Chỉ số 50: Quyết định, hướng dẫn thực hiện của Bộ GD-ĐT về việc lồng ghép phòng, chống và GNTT vào chương trình học cho cấp phổ thông và một số trường Đại học

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ xây dựng quyết định, hướng dẫn thực hiện của Bộ GD-ĐT về việc lồng ghép phòng, chống và GNTT vào chương trình học cho cấp phổ thông và một số trường Đại học
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các văn bản đã ban hành - Phỏng vấn

Chỉ số 51: Nhận thức về thiên tai và năng lực chủ động phòng ngừa, ứng phó của cộng đồng

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ nhận thức và năng lực của cộng đồng dân cư tại các xã thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai để sẵn sàng ứng phó hiệu quả với thiên tai
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Điều tra chuyên đề về nhận thức cộng đồng
Câu hỏi phỏng vấn	1) Tỷ lệ % người dân/hộ gia đình ở các vùng thường xảy ra thiên tai hiểu được các tác động của thiên tai đối với con người, cơ sở hạ tầng, sản xuất, môi trường...sau khi được phổ biến kiến thức về thiên tai. 2) Tỷ lệ % người dân/hộ gia đình ở các vùng thường xảy ra thiên tai hiểu được cách chủ động phòng ngừa thiên tai phù hợp đối với bản thân và gia đình.

Chỉ số 52: Tỷ lệ số người dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống và GNTT

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ thực hiện việc phổ biến kiến thức về phòng, chống và GNTT cho người dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Danh sách người tham gia tập huấn - Số liệu thống kê của tỉnh
Công thức tính	<u>Từ số</u> Số người dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống và GNTT <u>Mẫu số</u> Số người dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai
Mục tiêu tới năm 2020	Đến năm 2020, đảm bảo trên 70% số dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai (6.000 xã) được phổ biến kiến thức về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai.

Chỉ số 53: Số tỉnh ban hành kế hoạch hành động thực hiện Đề án QLRRTDVCD

Diễn giải mục đích	Thống kê số tỉnh đã ban hành kế hoạch hành động thực hiện Đề án QLRRTDVCD đến thời điểm báo cáo
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các văn bản đã ban hành

Chỉ số 54: Số xã đã triển khai QLRRTDVCD

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ triển khai đề án QLRRTDVCD tới các xã
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm

Chỉ số 55: Số lượng các bản tin cảnh báo thiên tai được phát trên tivi hàng năm

Diễn giải mục đích	Thông kê số lượng bản tin cảnh báo được phát trên đài truyền hình
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Số liệu thống kê của đơn vị thực hiện
Mục tiêu tới năm 2020	- 2009 – 2010: Nâng cao nội dung các chương trình. - 2009 – 2010: Hoàn thiện quy trình tiếp nhận thông tin, bản tin dự báo, cảnh báo và cung cấp thông tin từ các cơ quan chức năng. - 2011-2015: Phổ cập kiến thức, thu hút sự chú ý lắng nghe của người dân trên 70%. - 2016-2020: Phát huy chiều sâu, góp phần hình thành nếp sống thích nghi bền vững với thiên tai trong cộng đồng.

Chỉ số 56: Số lượng bản tin phổ biến kiến thức về PCGNTT được phát trên tivi hàng năm

Diễn giải mục đích	Thông kê số lượng bản tin phổ biến kiến thức được phát trên đài truyền hình
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Số liệu thống kê của đơn vị thực hiện

Chỉ số 57: Số lượng các bản tin cảnh báo thiên tai được phát trên đài phát thanh hàng năm

Diễn giải mục đích	Thông kê số lượng bản tin cảnh báo được phát trên đài phát thanh
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Số liệu thống kê của đơn vị thực hiện

Chỉ số 58: Số lượng bản tin phổ biến kiến thức về PCGNTT được phát trên đài phát thanh hàng năm

Diễn giải mục đích	Thông kê số lượng bản tin phổ biến kiến thức được phát trên đài phát thanh
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Số liệu thống kê của đơn vị thực hiện

Chỉ số 59: Đánh giá hiệu quả trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn bảo vệ đê biển và hàng tre chắn sóng bảo vệ đê sông.

Diễn giải mục đích	Đánh giá hiệu quả của rừng trong việc giảm bớt tác động của sạt lở đất, lũ quét, lũ ống; làm chậm tốc độ dòng chảy lũ; giảm tác động của sóng tới đê sông, đê biển góp phần giảm nhẹ thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Điều tra chuyên đề
Câu hỏi phỏng vấn	1) Số trận lũ quét, sạt lở đất tăng/giảm so với năm trước/ hoặc giai đoạn đánh giá trước. 2) Tỷ lệ % chiều dài đê biển có rừng ngập mặn đáp ứng yêu cầu chống sóng, bảo đảm chắc chắn đê được an toàn. 3) Tỷ lệ % chiều dài đê sông có hàng tre đáp ứng yêu cầu chống sóng, bảo đảm chắc chắn đê được an toàn khi có lũ cao, gió mạnh.

Chỉ số 60: Tỷ lệ % diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn so với tổng diện tích rừng

Diễn giải mục đích	Theo dõi diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn và đánh giá tỷ lệ rừng phòng hộ đầu nguồn so với tổng diện tích rừng
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Quyết định công bố hiện trạng rừng toàn quốc hàng năm của Bộ NN&PTNT
Công thức tính	<u>Tử số</u> Tổng diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn trên phạm vi toàn quốc <u>Mẫu số</u> Tổng diện tích rừng của Việt Nam

Chỉ số 61: Độ che phủ rừng

Diễn giải mục đích	Theo dõi mức độ che phủ rừng
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Quyết định công bố hiện trạng rừng toàn quốc hàng năm của Bộ NN&PTNT
Công thức tính	<u>Tỷ số</u> Tổng diện tích rừng của Việt Nam <u>Mẫu số</u> Tổng diện tích Việt Nam
Mục tiêu tới năm 2020	- 2009-2010: Tỷ lệ rừng đạt 42-43% - khôi phục rừng ngập mặn. - 2011-2015: Đảm bảo cơ bản định hình bền vững rừng phòng hộ đầu nguồn, phòng hộ ven biển và rừng ngập mặn. - 2016-2020: Tỷ lệ rừng đạt 47%

Chỉ số 62: Diện tích rừng bị mất hàng năm

Diễn giải mục đích	Thống kê diện tích rừng bị mất hàng năm
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Quyết định công bố hiện trạng rừng toàn quốc hàng năm của Bộ NN&PTNT

Chỉ số 63: Diện tích rừng ngập mặn được trồng mới trong năm

Diễn giải mục đích	Thống kê diện tích rừng ngập mặn được trồng mới hàng năm
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp

Chỉ số 64: Chiều dài đê được trồng cây chắn sóng bảo vệ trong năm

Diễn giải mục đích	Thống kê chiều dài đê được trồng cây chắn sóng bảo vệ hàng năm
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp

Chỉ số 65: Tỷ lệ các văn bản quy định về bảo vệ rừng được phổ biến đến cộng đồng

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ phổ biến văn bản về bảo vệ rừng cho cộng đồng
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm
Công thức tính	<u>Tử số</u> Số lượng các văn bản quy định về bảo vệ và phát triển rừng được xây dựng <u>Mẫu số</u> Số lượng các văn bản quy định về bảo vệ và phát triển rừng đã được phổ biến đến cộng đồng
Mục tiêu tới năm 2020	- 100% các văn bản quy định về bảo vệ rừng được tuyên truyền phổ biến đến các chủ rừng và người dân trong vùng;

Chỉ số 66: Tỷ lệ % diện tích rừng có lực lượng bảo vệ

Diễn giải mục đích	Đánh giá tỷ lệ rừng có lực lượng bảo vệ, bao gồm cả kiểm lâm, quân đội,...
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp
Mục tiêu tới năm 2020	- 100% các chủ rừng, thôn, xã có rừng có lực lượng bảo vệ rừng.

Chỉ số 67: Tỷ lệ % cán bộ kiểm lâm và chủ rừng được nâng cao năng lực so với kế hoạch

Diễn giải mục đích	Đánh giá lực lượng cán bộ kiểm lâm và chủ rừng được tập huấn nâng cao năng lực so với kế hoạch
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Kế hoạch đào tạo
Mục tiêu tới năm 2020	100% cán bộ kiểm lâm địa bàn xã và lực lượng bảo vệ rừng được đào tạo nâng cao năng lực

Chỉ số 68: Sổ trữ sở cơ quan quản lý thiên tai được xây dựng mới hoặc nâng cấp

Diễn giải mục đích	Theo dõi tình hình cải tạo, nâng cấp và xây dựng trụ sở mới của cơ quan chuyên trách về phòng, chống giảm nhẹ thiên tai cấp tỉnh, thành phố
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Kế hoạch hàng năm của các đơn vị

Chỉ số 69: Kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ cho quản lý thiên tai

Diễn giải mục đích	Thông kê kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ phòng, chống và GNTT
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Kế hoạch hàng năm của các đơn vị

Chỉ số 70: Đánh giá sự phù hợp của trang thiết bị TKCN hiện có ở địa phương và năng lực sử dụng.

Diễn giải mục đích	Đánh giá khả năng đáp ứng của thiết bị và năng lực con người phục vụ cho công tác tìm kiếm cứu nạn.
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Điều tra chuyên đề
Câu hỏi phỏng vấn	1) Nhận xét của BCHPCLB&TKCN các cấp ở địa phương về mức độ phù hợp và hiệu quả sử dụng đối với số lượng, chủng loại, chất lượng các trang thiết bị TKCN hiện có. 2) Tỷ lệ % số người được giao sử dụng các trang thiết bị TKCN đã được đào tạo, tập huấn, đủ khả năng sử dụng thiết bị có hiệu quả.
Mục tiêu tới năm 2020	- 2009-2010: Xây dựng kế hoạch từng bước tăng cường trang thiết bị và cơ sở vật chất. - 2011-2015: Nâng cao năng lực nguồn nhân lực và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu chuyên nghiệp hóa cao. - 2016-2020: Đạt được trình độ tác nghiệp tiên tiến trong khu vực.

Chỉ số 71: Chứng loại và số lượng trang thiết bị phục vụ cho công tác tìm kiếm, cứu nạn được trang bị cho các đơn vị/lực lượng

Diễn giải mục đích	Đánh giá tình hình trang bị công cụ hỗ trợ công tác phòng chống lụt bão cho các cơ quan, chính quyền các cấp
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Kế hoạch hàng năm của các đơn vị - Báo cáo thực hiện

Chỉ số 72: Số lượt người được tập huấn về công tác tìm kiếm cứu nạn

Diễn giải mục đích	Thống kê lượt cán bộ được tập huấn về công tác tìm kiếm cứu nạn hàng năm
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Danh sách người tham gia tập huấn

Chỉ số 73: Số lượt diễn tập công tác tìm kiếm cứu nạn (cấp QG, cấp vùng, cấp địa phương)

Diễn giải mục đích	Thống kê số lượt diễn tập tìm kiếm cứu nạn được tổ chức hàng năm
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm

Chỉ số 74: Hoàn thiện văn bản liên quan tới khả năng chỉ huy phối hợp và phản ứng nhanh của lực lượng tìm kiếm cứu nạn trung ương, khu vực, các ngành và địa phương

Diễn giải mục đích	Đánh giá tình hình xây dựng văn bản liên quan tới khả năng chỉ huy phối hợp và phản ứng nhanh của lực lượng tìm kiếm cứu nạn trung ương, khu vực, các ngành và địa phương
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Phỏng vấn cơ quan chủ trì soạn thảo

Chỉ số 75: Tỷ lệ % hộ gia đình có nhà ở an toàn trước thiên tai

Diễn giải mục đích	Đánh giá tình trạng nhà ở an toàn trước thiên tai của hộ gia đình
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Điều tra chuyên đề
Mục tiêu tới năm 2020	- 2009 - 2010: Rà soát bổ sung các quy chuẩn, quy phạm thiết kế xây dựng. - 2009 – 2010: Nghiên cứu xây dựng phương pháp và tiêu chí đánh giá rủi ro thiên tai. - 2011 - 2015: Ban hành đồng bộ các quy chuẩn, quy phạm thiết kế xây dựng và phương pháp tiêu chí đánh giá rủi ro. - 2016 - 2020: Hoàn thiện cập nhật bổ sung.

Chỉ số 76: Số bộ quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia về xây dựng công trình phù hợp với đặc thù thiên tai của từng vùng được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới hàng năm

Diễn giải mục đích	Đánh giá việc rà soát, bổ sung các quy chuẩn xây dựng công trình phù hợp với thiên tai của từng vùng
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Văn bản phê duyệt quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia

Chỉ số 77: Số bộ quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành về xây dựng công trình phù hợp với đặc thù thiên tai của từng vùng được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới hàng năm

Diễn giải mục đích	Đánh giá việc rà soát, bổ sung các quy chuẩn xây dựng công trình phù hợp với thiên tai của từng vùng
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Văn bản phê duyệt quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia

Chỉ số 78: Ban hành phương pháp và tiêu chí đánh giá rủi ro thiên tai trong các dự án đầu tư

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ ban hành phương pháp và tiêu chí đánh giá rủi ro thiên tai trong các dự án đầu tư
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các văn bản đã ban hành

Chỉ số 79: Tỷ lệ % đề tài đã được ứng dụng trên tổng số đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến PCGNTT đã nghiệm thu

Diễn giải mục đích	Đánh giá hiệu quả và vấn đề ứng dụng vào trong thực tế của các đề tài góp phần tăng cường khả năng an toàn và chống chịu của các công trình với thiên tai
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Kế hoạch khoa học công nghệ - Báo cáo của các đơn vị - Nghiên cứu, đánh giá các sản phẩm của đề tài và khả năng áp dụng trong thực tế.
Công thức tính	<u>Tử số</u> Số các đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ công tác PCGN thiên tai đã hoàn thành từ năm 2008 tới nay <u>Mẫu số</u> Số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ công tác PCGN thiên tai đã hoàn thành từ năm 2008 tới nay
Mục tiêu tới năm 2020	- 2009-2010: Một số kết quả nghiên cứu được triển khai áp dụng. Mô hình phần mềm dự báo lũ, nhận dạng lũ Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và Sông Đồng Nai. - 2011-2015: Triển khai toàn diện, có bước tiến mới về khoa học công nghệ trong dự báo, kiểm soát lũ, kiểm soát hạn và xâm nhập mặn, dự báo giông sét, động đất và sóng thần. - 2011-2015: Ứng dụng công nghệ và vật liệu mới nâng cao khả năng bền vững các công trình phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. - 2016-2020: Đạt tới trình độ phát triển cao.

Chỉ số 80: Hiệu quả áp dụng quy chuẩn, công nghệ mới, vật liệu mới trong xây dựng, nâng cấp công trình PCTT.

Diễn giải mục đích	Đánh giá hiệu quả và vấn đề ứng dụng vào trong thực tế của các vật liệu và công nghệ mới
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Nghiên cứu, đánh giá các sản phẩm và khả năng áp dụng trong thực tế.
Câu hỏi phỏng vấn	1) Nhận xét của chính quyền các cấp, chủ đầu tư, cơ quan quản lý sử dụng công trình PCTT về sự bảo đảm bền vững sau khi áp dụng quy chuẩn quốc gia, quy chuẩn ngành trong việc xây dựng mới hoặc nâng cấp công trình. 2) Nhận xét của chính quyền các cấp, chủ đầu tư, cơ quan quản lý sử dụng công trình PCTT về sự bảo đảm bền vững sau khi áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới trong việc xây dựng mới hoặc nâng cấp công trình.

Chỉ số 81: Loại vật liệu mới, công nghệ mới được ứng dụng trong nâng cao độ an toàn bền vững của các công trình PCGNTT

Diễn giải mục đích	Đánh giá hiệu quả và vấn đề ứng dụng vào trong thực tế của các quy chuẩn, loại vật liệu và công nghệ mới
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Đánh giá các tài liệu có liên quan

Chỉ số 82: Tỷ lệ % số tàu thuyền có lắp đặt thiết bị thông tin 2 chiều đã thực hiện liên lạc 2 chiều.

Diễn giải mục đích	Đánh giá hiệu quả của việc trang bị hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác quản lý tàu thuyền góp phần đảm bảo thông tin liên lạc 2 chiều nhằm giảm nhẹ thiệt hại cho tàu thuyền và người do thiên tai gây ra
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Điều tra chuyên đề
Câu hỏi phỏng vấn	1) Tỷ lệ % số tàu thuyền đã được lắp đặt thiết bị thông tin liên lạc 2 chiều (thu và phát). 2) Tỷ lệ % số tàu thuyền có lắp đặt thiết bị thông tin 2 chiều đã thực hiện liên lạc 2 chiều.

Chỉ số 83: Tỷ lệ % tàu, thuyền được lắp đặt thiết bị vô tuyến thích hợp với mạng thông tin vệ tinh VINASAT-1

Diễn giải mục đích	Đánh giá tỷ lệ tàu thuyền sử dụng vệ tinh VINASAT-1 trong quản lý tàu thuyền đánh bắt xa bờ
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo thống kê của Tổng cục Thủy sản
Mục tiêu tới năm 2020	2011-2015: - Hoàn thành dự án quản lý hệ thống thông tin trên biển giai đoạn II, 100% tàu thuyền lắp đặt thiết bị vô tuyến thích hợp với mạng thông tin vệ tinh VINASAT-1.

Chỉ số 84: Tỷ lệ % tàu, thuyền đánh bắt xa bờ được trang bị hệ thống định vị và thiết bị thông tin liên lạc qua vệ tinh

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ hoàn thiện hệ thống thông tin liên lạc cho các tàu thuyền đánh bắt xa bờ
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo thống kê của Tổng cục Thủy sản
Công thức tính	<u>Từ số</u> Số tàu, thuyền đánh bắt xa bờ được trang bị hệ thống định vị và thiết bị thông tin liên lạc qua vệ tinh <u>Mẫu số</u> Số tàu, thuyền đánh bắt xa bờ
Mục tiêu tới năm 2020	2011-2015: - 100% tàu thuyền đánh bắt xa bờ có hệ thống định vị và liên lạc qua vệ tinh. - Quản lý được toàn bộ các hoạt động tàu thuyền đánh cá trên biển

Chỉ số 85: Số cửa ra vào dọc bờ biển được lắp đặt thiết bị tự động theo dõi tàu thuyền

Diễn giải mục đích	Thống kê số lượng cửa ra vào dọc bờ biển được lắp đặt thiết bị tự động theo dõi tàu thuyền
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo thống kê của Tổng cục Thủy sản
Mục tiêu tới năm 2020	2009-2010 - Phối hợp với bộ đội biên phòng đăng kiểm tàu thuyền hoạt động, hoàn thành tổ chức lắp đặt thiết bị quản lý tự động tàu thuyền tại 90 cửa ra vào dọc bờ biển

Chỉ số 86: Tỷ lệ % các thôn, xã vùng sâu vùng xa các tỉnh miền núi hoàn thiện hệ thống thông tin liên lạc

Diễn giải mục đích	Đánh giá mức độ hoàn thiện hệ thống thông tin liên lạc cho các thôn xã vùng sâu vùng xa
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo thống kê của Bộ TT-TT
Công thức tính	<u>Từ số</u> Số thôn xã vùng sâu vùng xa, các tỉnh miền núi hoàn thiện hệ thống thông tin liên lạc <u>Mẫu số</u> Số thôn xã vùng sâu vùng xa các tỉnh miền núi
Mục tiêu tới năm 2020	2009-2010: - 100% xã thôn vùng sâu vùng xa các tỉnh miền núi đảm bảo thông tin liên lạc

Chỉ số 87: Năng lực sẵn sàng ứng phó với thiên tai của các đối tượng dễ bị tổn thương được tăng cường

Diễn giải mục đích	Đánh giá hiệu quả của việc nâng cao năng lực cho các đối tượng dễ bị tổn thương
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Điều tra chuyên đề
Câu hỏi phỏng vấn	1) Tỷ lệ % các đối tượng dễ bị tổn thương hiểu được tác động của thiên tai đối với bản thân. 2) Tỷ lệ % các đối tượng dễ bị tổn thương biết cách chủ động phòng ngừa rủi ro thiên tai phù hợp với khả năng của mình.

Chỉ số 88: Tỷ lệ % số xã thường xuyên xảy ra thiên tai xây dựng được kế hoạch/phương án đảm bảo an toàn cho trẻ em, phụ nữ mang thai, người già yếu và tàn tật (đối tượng dễ bị tổn thương)

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ các xã thường xuyên xảy ra thiên tai xây dựng được kế hoạch/phương án đảm bảo an toàn cho trẻ em, người già yếu và tàn tật (đối tượng dễ bị tổn thương)
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo thống kê của các tỉnh
Công thức tính	<u>Tỷ số</u> Số xã thường xuyên xảy ra thiên tai xây dựng được kế hoạch/phương án đảm bảo an toàn cho trẻ em, phụ nữ mang thai, người già yếu và tàn tật (đối tượng dễ bị tổn thương) <u>Mẫu số</u> Số xã thường xuyên xảy ra thiên tai
Mục tiêu tới năm 2020	- 2009-2010: 100% xã phường thường xuyên xảy ra thiên tai xây dựng phương án kế hoạch cụ thể. - 2011-2015: Hình thành nề nếp cộng đồng. - 2016-2020: Năng lực ứng phó và khắc phục thiên tai ở cơ sở được nâng cao.

Chỉ số 89: Số lượt các đối tượng dễ bị tổn thương (trẻ em, phụ nữ mang thai, người già yếu và tàn tật) được hướng dẫn, tuyên truyền về PCGNTT

Diễn giải mục đích	Thống kê số lượt các đối tượng dễ bị tổn thương được hướng dẫn, tuyên truyền về PCGNTT
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch tập huấn - Danh sách người tham gia tập huấn

Chỉ số 90: Số lượt tình nguyện viên thanh niên được huy động

Diễn giải mục đích	Thống kê tình hình huy động lực lượng xung kích, tình nguyện tại cơ sở để tham gia ứng cứu, khắc phục khi thiên tai xảy ra, tìm kiếm cứu nạn.
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo thống kê của TW Đoàn
Mục tiêu tới năm 2020	- 2009-2010: Hình thành tổ chức và phương án hoạt động. - 2011-2015: Hoạt động nề nếp và được hỗ trợ trang thiết bị cần thiết. - 2016-2020: Các hoạt động nề nếp bền vững.

Chỉ số 91: Số lượt phụ nữ tham gia trong công tác phòng, chống và GNTT

Diễn giải mục đích	Thống kê số lượt phụ nữ tham gia các trong công tác phòng, chống và GNTT
Tần suất thu thập	
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm

Chỉ số 92: Số lượng quản lý đô nhân dân, lực lượng hộ đô được thành lập

Diễn giải mục đích	Thống kê số lực lượng quản lý đô nhân dân, lực lượng hộ đô được thành lập
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm

Chỉ số 93: Số cuộc diễn tập ở cấp cộng đồng được tổ chức

Diễn giải mục đích	Thống kê số cuộc diễn tập cấp cộng đồng được tổ chức
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm

Chỉ số 94: Số lượt tình nguyện viên chữ thập đỏ tham gia phòng, chống GNTT

Diễn giải mục đích	Thống kê số lượt tình nguyện viên Chữ thập đỏ tham gia phòng, chống và GNTT
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm

Chỉ số 95: Tỷ lệ % số xã có nguy cơ xảy ra thiên tai đã được xây dựng bản đồ (kỹ thuật số) so với kế hoạch tới 2020

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ xây dựng bản đồ xác định nguy cơ xảy ra thiên tai so với kế hoạch đề ra
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm
Công thức tính	$\frac{\text{Tử số}}{\text{Mẫu số}} \times 100$ <p>Số xã có nguy cơ xảy ra thiên tai đã được xây dựng bản đồ Số xã thường xuyên xảy ra thiên tai</p>
Mục tiêu tới năm 2020	Lập bản đồ xác định nguy cơ xảy ra thiên tai lũ quét, sạt lở bờ sông, bờ biển, bão, nước biển dâng, động đất, sóng thần, ngập lụt, hạn hán được thực hiện từ nay đến 2012.

Chỉ số 96: Quy hoạch phòng, chống lũ được rà soát, bổ sung cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long

Diễn giải mục đích	Đánh giá việc rà soát, bổ sung quy hoạch phòng, chống lũ đồng bằng sông Cửu Long
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của Bộ NN&PTNT
Mục tiêu tới năm 2020	Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch phòng, chống lũ ĐBSCL từ 2010 đến 2013

Chỉ số 97: Quy hoạch phòng, chống lũ được rà soát, bổ sung cho khu vực miền Trung từ Thanh Hoá đến Bình Thuận

Diễn giải mục đích	Đánh giá việc rà soát, bổ sung quy hoạch phòng, chống lũ khu vực miền Trung từ Thanh Hoá đến Bình Thuận
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của Bộ NN&PTNT
Mục tiêu tới năm 2020	Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng chống lũ cho các sông thuộc khu vực miền Trung từ Thanh Hóa đến Bình Thuận được thực hiện từ 2009 đến 2012.

Chỉ số 98: Quy hoạch phòng, chống lũ được rà soát, bổ sung cho khu vực Đông Nam Bộ

Diễn giải mục đích	Đánh giá việc rà soát, bổ sung quy hoạch phòng, chống lũ khu vực Đông Nam Bộ
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của Bộ NN&PTNT
Mục tiêu tới năm 2020	Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng chống lũ cho các sông thuộc khu vực miền Đông Nam bộ được thực hiện từ 2011 đến 2013.

Chỉ số 99: Số tỉnh phê duyệt quy hoạch đê sông, đê biển

Diễn giải mục đích	Thống kê số quy hoạch đê sông, đê biển được phê duyệt của các tỉnh
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của Bộ NN&PTNT
Mục tiêu tới năm 2020	Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng hệ thống đê sông đê biển được thực hiện từ 2009 đến 2010.

Chỉ số 100: Số quy hoạch hệ thống đê sông được rà soát, bổ sung

Diễn giải mục đích	Thống kê số lượng quy hoạch đê sông được rà soát, bổ sung
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của tỉnh

Chỉ số 101: Số quy hoạch hệ thống đê sông được xây dựng

Diễn giải mục đích	Thống kê số lượng quy hoạch đê sông được xây dựng
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của tỉnh

Chỉ số 102: Số quy hoạch hệ thống đê biển được rà soát, bổ sung

Diễn giải mục đích	Thống kê số lượng quy hoạch đê biển được rà soát, bổ sung
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của tỉnh

Chỉ số 103: Số quy hoạch hệ thống đê biển được xây dựng

Diễn giải mục đích	Thống kê số lượng quy hoạch đê biển được xây dựng
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của tỉnh

Chỉ số 104: Số quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao được rà soát, bổ sung

Diễn giải mục đích	Thống kê số lượng quy hoạch đê bao được rà soát, bổ sung
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của tỉnh

Chỉ số 105: Số quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao được xây dựng

Diễn giải mục đích	Thống kê số lượng quy hoạch đê bao được xây dựng
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch của tỉnh

Chỉ số 106: Tỷ lệ hộ gia đình sống trong vùng có nguy cơ cao về thiên tai được di chuyển về nơi an toàn, đảm bảo đời sống và sản xuất hàng năm

Diễn giải mục đích	Đánh giá tình hình các hộ dân sống ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai được di chuyển về nơi an toàn
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm
Công thức tính	<u>Từ số</u> Số hộ gia đình sống vùng có nguy cơ cao được di chuyển về nơi an toàn, đảm bảo đời sống và sản xuất hàng năm <u>Mẫu số</u> Số hộ gia đình sống vùng có nguy cơ cao về thiên tai
Mục tiêu tới năm 2020	Đến cuối năm 2015, tổng số 135,537 hộ gia đình sống vùng có nguy cơ cao về thiên tai được di chuyển tập trung vào nơi an toàn đảm bảo đời sống và sản xuất

Chỉ số 107: Số tỉnh đã rà soát, bổ sung và phê duyệt các quy hoạch dân cư vùng có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất ở các tỉnh miền núi hàng năm

Diễn giải mục đích	Đánh giá tình hình rà soát, điều chỉnh quy hoạch dân cư vùng có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các quyết định phê duyệt quy hoạch

Chỉ số 108: Đánh giá tác động của việc rà soát, điều chỉnh và bổ sung các quy hoạch trong việc hạn chế tác động của thiên tai, tăng tính hiệu quả, phát triển bền vững, tăng tính thích nghi môi trường thiên tai

Diễn giải mục đích	Đánh giá hiệu quả của công tác rà soát, điều chỉnh và bổ sung các quy hoạch nhằm góp phần hạn chế tác động của thiên tai, tăng tính hiệu quả, phát triển bền vững, tăng tính thích nghi môi trường thiên tai
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Điều tra chuyên đề
Câu hỏi phỏng vấn	1) Quy hoạch sử dụng đất của tỉnh: đã/chưa lồng ghép yêu cầu PTGNTT? 2) Tỷ lệ % Quy hoạch khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị thiên tai đã được rà soát, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu GNTT. 3) Tỷ lệ % Quy hoạch khu đô thị mới đã

được rà soát, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu GNTT. 4) Tỷ lệ % Quy hoạch khu đô thị mới đã được rà soát, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu GNTT. 5) Tỷ lệ % Quy hoạch Khu công nghiệp đã được rà soát, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu GNTT. 6) Tỷ lệ % các Quy hoạch Trạm Y tế, Trường học, Khu du lịch sinh thái, v.v. cũng đánh giá tương tự.

Chỉ số 109: Số lượng tình đã rà soát, bổ sung quy hoạch sử dụng đất gắn với nhiệm vụ phòng chống thiên tai

Diễn giải mục đích	Đánh giá tình hình rà soát, bổ sung quy hoạch đất gắn với nhiệm vụ phòng, chống thiên tai
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Thống kê của Bộ TN&MT - Các quyết định phê duyệt quy hoạch
Mục tiêu tới năm 2020	Rà soát, bổ sung quy hoạch sử dụng đất gắn với nhiệm vụ phòng, chống thiên tai được thực hiện hàng năm, 5 năm từ 2009 đến 2020.

Chỉ số 110: Đánh giá hiệu quả của quá trình hội nhập, chia sẻ kinh nghiệm, nguồn lực trong công tác phòng, chống và GNTT

Diễn giải mục đích	Đánh giá hiệu quả của quá trình hội nhập, chia sẻ kinh nghiệm, nguồn lực trong công tác phòng, chống và GNTT
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Điều tra chuyên đề
Câu hỏi phỏng vấn	1) Tỷ lệ % các Dự án do NGOs quốc tế tài trợ cho địa phương đã phát huy hiệu quả tốt? 2) Các Dự án do NGOs quốc tế tài trợ cho địa phương sau khi tổng kết, đánh giá đã được áp dụng cho bao nhiêu xã?

Chỉ số 111: Số lượng các dự án về phòng, chống và GNTT được tài trợ bởi các tổ chức nước ngoài

Diễn giải mục đích	Thống kê các dự án về phòng, chống và GNTT được tài trợ bởi các tổ chức nước ngoài
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Kế hoạch đầu tư của Bộ NN&PTNT - Danh mục các dự án hỗ trợ không hoàn lại của Vụ HTQT và các tổ chức phi chính phủ

Chỉ số 112: Các công ước, thỏa thuận quốc tế, khu vực về PCGNTT mà Việt Nam tham gia

Diễn giải mục đích	Theo dõi tiến độ tham gia của Việt Nam vào các công ước, thỏa thuận quốc tế, khu vực về PCGNTT mà Việt Nam tham gia
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm

Chỉ số 113: Các công ước, thỏa thuận quốc tế, khu vực về tìm kiếm cứu nạn mà Việt Nam tham gia

Diễn giải mục đích	Theo dõi tiến độ tham gia của Việt Nam vào các công ước, thỏa thuận quốc tế, khu vực về TKCN
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm

Chỉ số 114: Thành lập diễn đàn quốc gia về GNRRTT và thích ứng BĐKH

Diễn giải mục đích	Theo dõi tiến độ thành lập diễn đàn quốc gia về GNRRTT và thích ứng BĐKH
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các văn bản có liên quan - Phỏng vấn

Chỉ số 115: Cơ chế chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực phòng, chống và GNTT

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ rà soát, điều chỉnh, xây dựng các chính sách kêu gọi, tiếp nhận và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Các văn bản có liên quan - Phòng vấn

Chỉ số 116: Tỷ lệ khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng đưa vào sử dụng so với quy hoạch

Diễn giải mục đích	Theo dõi tiến độ xây dựng hệ thống các khu neo đậu cấp vùng cho tàu thuyền tránh trú bão
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm
Mục tiêu tới năm 2020	Đến 2020 có 13 khu neo đậu cấp vùng.

Chỉ số 117: Kinh phí thực hiện xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng

Diễn giải mục đích	Thống kê chi phí đầu tư cho việc xây dựng hệ thống các khu neo đậu cấp vùng cho tàu thuyền tránh trú bão
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Kế hoạch đầu tư của Bộ NN&PTNT

Chỉ số 118: Số khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh được đưa vào sử dụng

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ xây dựng hệ thống các khu neo đậu cấp tỉnh cho tàu thuyền tránh trú bão
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm
Mục tiêu tới năm 2020	đến 2010 có 62 khu neo đậu cấp tỉnh. Định hướng đến năm 2020: có 85 khu neo đậu cấp tỉnh.

Chỉ số 119: Kinh phí thực hiện xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh

Diễn giải mục đích	Thông kê chi phí đầu tư cho việc xây dựng hệ thống các khu neo đậu cấp tỉnh cho tàu thuyền tránh trú bão
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Kế hoạch đầu tư của tỉnh

Chỉ số 120: Số km đê đã được nâng cấp trong năm của Chương trình nâng cấp đê hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình và các sông khu vực Bắc Trung Bộ

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ nâng cấp đê
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch chương trình

Chỉ số 121: Kinh phí thực hiện chương trình "nâng cấp đê hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình và các sông khu vực Bắc Trung Bộ" trong năm

Diễn giải mục đích	Thông kê kinh phí đã được giải ngân thực hiện chương trình
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Kế hoạch đầu tư của tỉnh

Chỉ số 122: Số km đê bao, bờ bao đã được xây dựng trong năm

Diễn giải mục đích	Thông kê khối lượng km bờ bao đã được xây dựng
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm
Mục tiêu tới năm 2020	Giai đoạn 1 (2008 – 2015) xây dựng hoàn thiện hệ thống 10 công trình, giai đoạn 2 xây dựng hoàn thiện 12 hệ thống công trình thuộc hệ thống bờ bao, kiểm soát lũ và chống sạt lở bờ sông, xây dựng các cụm tuyến dân cư giai đoạn II đã được Chính phủ phê duyệt.

Chỉ số 123: Kinh phí thực hiện trong năm để xây dựng hệ thống đê bao, bờ bao

Diễn giải mục đích	Thông kê kinh phí đã được giải ngân thực hiện chương trình
---------------------------	--

Tần suất thu thập hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập - Kế hoạch đầu tư của tỉnh

Chỉ số 124: Số cụm, tuyến dân cư đã được xây dựng mới trong năm

Diễn giải mục đích Đánh giá tiến độ xây dựng cụm tuyến dân cư so với kế hoạch tới năm 2020
Tần suất thu thập hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập - Báo cáo hàng năm
- Kế hoạch chương trình

Chỉ số 125: Kinh phí xây dựng cụm tuyến dân cư trong năm

Diễn giải mục đích Thống kê kinh phí đã được giải ngân thực hiện chương trình
Tần suất thu thập hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập - Kế hoạch đầu tư của tỉnh

Chỉ số 126: Số km đê đã được nâng cấp trong năm của chương trình đê biển từ Quảng Ninh đến Quảng Nam

Diễn giải mục đích Đánh giá tiến độ nâng cấp đê của chương trình
Tần suất thu thập hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập - Báo cáo hàng năm
- Kế hoạch chương trình

Chỉ số 127: Kinh phí đã thực hiện trong năm của chương trình đê biển từ Quảng Ninh đến Quảng Nam

Diễn giải mục đích Thống kê kinh phí đã được thực hiện của chương trình
Tần suất thu thập hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập - Báo cáo hàng năm

Chỉ số 128: Số km đê đã được nâng cấp trong năm của chương trình đê biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ nâng cấp đê của chương trình
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch chương trình

Chỉ số 129: Kinh phí đã thực hiện trong năm của chương trình đê biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang tới năm báo cáo

Diễn giải mục đích	Thống kê kinh phí đã được thực hiện của chương trình
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm

Chỉ số 130: Tỷ lệ hồ chứa nước có dung tích 200.000m³ trở lên được nâng cấp, sửa chữa để đảm bảo an toàn với tần suất lũ thiết kế

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ nâng cấp, sửa chữa các hồ chứa có dung tích 200.000m ³ trở lên để đảm bảo an toàn với tần suất lũ thiết kế
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch chương trình
Công thức tính	<u>Tỷ số</u> Số lượng hồ chứa nước có dung tích 200.000m ³ trở lên được nâng cấp, sửa chữa để đảm bảo an toàn với tần suất lũ thiết kế <u>Mẫu số</u> Số lượng hồ chứa nước có dung tích 200.000m ³ trở lên
Mục tiêu tới năm 2020	Đến năm 2010, có khoảng 30% hồ chứa nước (295 hồ) có dung tích từ 200.000m ³ trở lên được nâng cấp sửa chữa để đảm bảo an toàn với tần suất lũ thiết kế. Từ 2011 đến 2020 hoàn chỉnh công tác nâng cấp sửa chữa cho 556 hồ chứa.

Chỉ số 131: Số hồ chứa nước lợi dụng tổng hợp, điều tiết dòng chảy và tham gia cắt lũ được xây dựng mới

Diễn giải mục đích	Đánh giá tình hình xây dựng các hồ chứa lớn, lợi dụng tổng hợp, điều tiết dòng chảy và tham gia cắt lũ
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Kế hoạch đầu tư hàng năm - Bộ NN&PTNT báo cáo hồ thủy lợi - Bộ Công thương báo cáo hồ thủy điện
Mục tiêu tới năm 2020	Đến năm 2015, hoàn chỉnh các hồ chứa trên thượng nguồn các sông Đà, Lô và các hồ trên hệ thống sông miền Trung và Tây nguyên như: Cửa Đạt, Tả Trạch, Nước Trong, Định Bình. Đầu tư xây dựng các công trình Bản Mòng, Bản Lải. Từ 2016 – 2020, tiếp tục hoàn thành các công trình được đầu tư xây dựng ở giai đoạn trước; tiếp tục đầu tư xây dựng mới các công trình đã chuẩn bị xong các thủ tục đầu tư.

Chỉ số 132: Tỷ lệ % hồ chứa nước có quy trình vận hành

Diễn giải mục đích	Đánh giá tỷ lệ các các hồ chứa nước có quy trình điều hành
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Bộ NN&PTNT báo cáo hồ thủy lợi - Bộ Công thương báo cáo hồ thủy điện
Công thức tính	$\frac{\text{Tỷ số}}{\text{Số hồ chứa nước hiện có}} \times 100$ $\frac{\text{Mẫu số}}{\text{Số hồ chứa nước có quy trình vận hành}} \times 100$

Chỉ số 133: Tỷ lệ % hệ thống công trình thủy lợi được nâng cấp so với kế hoạch đề ra trong chiến lược

Diễn giải mục đích	Đánh giá tỷ lệ các hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư nâng cấp so với kế hoạch tới năm 2015
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch
Công thức tính	$\frac{\text{Tỷ số}}{\text{Số hệ thống công trình thủy lợi được nâng cấp, hiện đại hóa}} \times 100$ $\frac{\text{Mẫu số}}{\text{Số hệ thống công trình thủy lợi cần được nâng cấp, hiện đại hóa theo kế hoạch tới năm 2015}} \times 100$

Mục tiêu tới năm 2020	Đến năm 2015, đánh giá thực trạng các hệ thống công trình hiện có, nghiên cứu các giải pháp nâng cấp, hiện đại hóa; đầu tư nâng cấp, xây dựng và hiện đại hóa các hệ thống quan trọng, ưu tiên (khoảng 65% số hệ thống). Đảm bảo phát huy được tối đa năng lực thiết kế của công trình.
------------------------------	---

Chỉ số 134: Tỷ lệ điểm ngập úng đã được xử lý so với kế hoạch

Diễn giải mục đích	Đánh giá hiệu quả của chương trình chống ngập úng cho các thành phố lớn
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm - Kế hoạch
Công thức tính	$\frac{\text{Tỷ số}}{\text{Số điểm ngập úng đã được xử lý}} \times \frac{\text{Mẫu số}}{\text{Số điểm ngập úng cần phải xử lý theo kế hoạch}}$

Chỉ số 135: Số cầu được mở rộng khẩu độ

Diễn giải mục đích	Thống kê số lượng cầu được mở rộng khẩu độ đảm bảo thoát lũ
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Kế hoạch đầu tư hàng năm

Chỉ số 136: Số công được mở rộng khẩu độ để bảo đảm thoát lũ

Diễn giải mục đích	Thống kê số lượng công được mở rộng khẩu độ để đảm bảo thoát lũ
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Kế hoạch đầu tư hàng năm

Chỉ số 137: Số km công trình phòng chống sạt lở (kè) được xây dựng hàng năm

Diễn giải mục đích	Đánh giá tiến độ xây dựng kè chống sạt lở so với kế hoạch tới năm 2020
Tần suất thu thập	hàng năm
Nguồn và phương pháp thu thập	- Báo cáo hàng năm

Chỉ số 138: Đánh giá hiệu quả đầu tư của các công trình phòng, chống và GNTT

Diễn giải mục đích	Đánh giá khả năng chống chịu, tính hiệu quả và độ an toàn của các công trình phòng, chống và GNTT nhằm góp phần giảm nhẹ tác động của thiên tai tới tài sản và tính mạng của người dân
Tần suất thu thập	5 năm/lần
Nguồn và phương pháp thu thập	- Điều tra chuyên đề
Câu hỏi phỏng vấn	<ol style="list-style-type: none">1) Tỷ lệ % số tuyến đê có chức năng chống lũ triệt để đã được đầu tư nâng cấp đã bảo đảm bền vững ((không bị tràn/vỡ khi xuất hiện lũ nhỏ hơn hoặc bằng lũ thiết kế)?2) Tỷ lệ % số tuyến đê bồi không bị tràn/vỡ khi xuất hiện lũ nhỏ hơn hoặc bằng MN báo động II?3) Tỷ lệ % số tuyến đê bao (ở khu vực ĐBSCL) không bị tràn/vỡ khi xuất hiện lũ nhỏ hơn hoặc bằng MN thiết kế đê bao?4) Tỷ lệ % số tuyến bờ bao (ở khu vực ĐBSCL) không bị tràn/vỡ khi xuất hiện lũ nhỏ hơn hoặc bằng MN thiết kế ?5) Tỷ lệ % số tuyến đê biển đã được đầu tư nâng cấp đã bảo đảm an toàn (không bị tràn/ vỡ khi xuất hiện bão, triều cường, nước biển dâng tương ứng mức thiết kế)?6) Tỷ lệ % số hồ chứa sau khi được đầu tư nâng cấp đã bảo đảm an toàn (không bị tràn/vỡ khi xuất hiện mưa, lũ bằng hoặc nhỏ thua mức thiết kế)?7) Tỷ lệ % số tuyến quốc lộ, tỉnh lộ sau khi được đầu tư nâng cấp không bị ngập sâu/hư hỏng nặng đến mức giao thông bị ách tắc khi xuất hiện mưa lớn, bão, triều cường, nước biển dâng tương ứng mức thiết kế?8) Tỷ lệ % số tuyến đường sắt sau khi được đầu tư nâng cấp không bị ngập sâu/hư hỏng nặng đến mức giao thông bị ách tắc khi xuất hiện mưa lớn, bão tương ứng mức thiết kế?9) Tỷ lệ giảm hàng năm (%) số sự cố gián đoạn thông tin liên lạc phục vụ việc chỉ đạo, chỉ huy PCLB&GNTT?10) Tỷ lệ % số nhà cộng đồng PT&GNTT phát huy hiệu quả khi xảy ra thiên tai lớn?11) Tỷ lệ (%) các khu neo đậu, tránh trú bão đã được xây dựng đáp ứng nhu cầu neo đậu, tránh trú an toàn cho các tàu thuyền?12) Tỷ lệ (%) các trạm quan trắc, báo tin động đất, cảnh báo sóng thần đã được xây dựng đáp ứng nhu cầu theo quy chế hiện hành.